

KHÁM PHÁ CHÂU ÂU

NHỮNG ĐIỂM ĐẾN KHÓ QUÊN

Phan Ba



Quyển sách này do Phan Ba biên soạn và thực hiện. Các bạn có thể tự do sử dụng nó cho các mục đích cá nhân và phi thương mại nhưng xin đừng sửa chữa bất cứ điều gì. Xin cảm ơn.

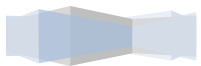
Bổ sung và sửa chữa lần thứ nhất trong tháng 11 / 2012



Mục lục

Anh.....	5
Tham quan ma ở York	5
Áo.....	8
Linz: Người đẹp kín đáo cạnh dòng sông Danube.....	8
Cà phê ở Wien.....	11
Ba Lan.....	15
Lần phục sinh của thành phố Danzig.....	15
Bỉ.....	17
Brugge thơ mộng: hòn ngọc của vùng Flanders	17
Bồ Đào Nha.....	19
Trong tu viện Alcobaça: Yêu cho đến tận cùng của thế giới	19
Đan Mạch.....	21
Làng họa sĩ ở Skagen	21
Đức.....	24
Nhà thờ lớn Aachen: di sản của Karl Đại đế	24
Huyền thoại người bắt chuột ở Hameln	26
Heidelberg lãng mạn	29
Lâu đài Neuschwanstein: Mơ mộng của một vị vua.....	32
Wismar: Vương quốc của ma cà rồng Nosferatu.....	34
Hà Lan.....	36
Lãng mạn thành quách ở Groningen.....	36
Luxembourg.....	39
Ấn tượng Luxembourg: ban công đẹp nhất của Châu Âu	39
Pháp.....	42
Thánh đường Chartres: trong ánh sáng huyền diệu của những cửa sổ hoa hồng	42
Giverny: Đến thăm vườn hoa của danh họa Monet	44
Paris cho những người đang yêu.....	46
Séc.....	49
Mariánské Lázně: Chuyện tình của một đại thi hào	49
Tây Ban Nha	52
Toledo: Thành phố của ba nền văn hóa	52
Thổ Nhĩ Kỳ	54
Istanbul: Cung điện từ 1001 đêm.....	54
Vừa uống trà vừa trả giá.....	57
Thụy Điển	61
Stockholm: thành phố đảo ở tận cùng của thế giới	61
Thụy Sĩ.....	67
Lugano: Chào người đẹp!	67
Ý.....	69
Hồ Como: Lối vào Ý đẹp nhất	69
Tranh khảm Byzantine ở Ravenna.....	72
Trieste: Di sản của Vương triều Habsburg	74
Quảng trường Thánh Mark ở Venice.....	77







Anh

Tham quan ma ở York

Bàn về thành phố York ở miền bắc nước Anh, ngay đến trang Web của hãng BBC đứng đắn nhiều uy tín cũng có một tí rất "giật gân": *York: most haunted city in the world!* (York: thành phố có nhiều ma nhất trên thế giới!).

Và nếu tìm hiểu lịch sử có nhiều điều rùng rợn của thành phố thời Trung cổ này, cộng với khu trung tâm mà cuộc Cách mạng công nghiệp dường như chẳng để lại dấu vết nào thì thật ra chẳng có gì là lạ khi ở đây có nhiều ma hơn những nơi khác.

Vào thời của những cuộc Chiến tranh Hoa hồng tranh giành ngai vàng giữa 2 dòng họ York và Lancaster trong thế kỷ 15, người ta đã chặt đầu địch thủ rồi cắm lên trên cọc nhọn của chiếc cổng thành đồ sộ Micklegate Bar.



Cổng thành Micklegate Bar.

Ở York, gần như không một ngõ hẻm hay một quán rượu nào mà lại không có một con ma riêng. Có đến nửa tá công ty chuyên dẫn du khách đi tham quan ma ("*Ghost Walk Companies*"). Cuộc tìm kiếm bắt đầu ngay trong Nhà thờ lớn của York, ngôi nhà thờ theo lối kiến trúc Gothic lớn nhất của Anh quốc mà người ta đã phải mất 250 năm mới xây xong.



Nhà thờ lớn York.





Khi vẫn đang còn chiêm ngưỡng các tác phẩm vẽ trên kính tuyệt đẹp của nhà thờ, những cái được gọi là *Five Sisters Windows*, 5 cửa kính chị em cao 17 m lớn nhất trong Anh quốc, người hướng dẫn mặc y phục đen sẽ thầm thì kể về một đạo quân La Mã về đêm thường mang áo chên với mũ sắt lang thang trên con đường La Mã Via Decumana xuyên qua khu phố cổ.



Bên trong Nhà thờ lớn York.

Cách đây khoảng 50 năm, Harry Martindales, lúc đây là một thợ học việc mới 17 tuổi, đang làm việc trong tầng hầm của ngôi nhà thuộc Nhà thờ lớn. Ông bất chợt nhìn thấy một kỵ binh người La Mã mang y phục xanh cùng một vài người lính đi xuyên qua tường về hướng nhà thờ. Bạn bè và họ hàng chẳng ai tin câu chuyện bí ẩn này. Ngược lại họ còn cho rằng ông đã bị điên. Nhưng 15 năm sau đó, khi phải tiến hành đào xới trong Nhà thờ lớn, người ta đã phát hiện được di tích của một con đường La Mã ngày xưa ở dưới Nhà thờ lớn và ngôi nhà mà Harry đã làm việc.

Nhưng York không chỉ có ma La Mã. "Mad Alice" ở ngõ Lund's Court rất nổi tiếng. Năm 1825 người ta đã treo cổ bà trong Pháo đài York (*York Castle*) vì cho rằng bà bị điên. Đáng thương hơn là "Grey Lady", bóng ma ẩn hiện ở những hàng ghế đầu trong Nhà hát Hoàng gia mà thời Trung cổ vẫn còn thuộc Bệnh viện Thánh Leonard của các nữ tu sĩ. Ngày xưa người ta đã chôn một nữ tu sĩ ngay trong tường vì đã dang dúi với một vị quý tộc. Câu chuyện rùng rợn là vậy nhưng nếu người phụ nữ mang bộ áo tu màu xám này xuất hiện thì đó lại là điều tốt cho lần trình diễn sắp đến.

Có cả một ma hoàng hậu trong King's Manor thuộc Đại học York ngày nay nữa. Ngày xưa đây là nhà của tu viện trưởng của Tu viện St. Mary thuộc dòng Biển Đức. Năm 1541, Queen Catherine Howard, vợ thứ tư của Vua Henry VIII, đã hẹn hò người yêu của bà là Thomas Culpeper ở đây. Việc này đã rút ngắn cuộc đời của bà một cách đáng kể. Mang trên tay một đóa hoa hồng, bà thường hay xuất hiện ở nơi ngày xưa là vườn hồng của lâu đài.



Người ta cũng thường hay thuật lại câu chuyện của một con ma biết ăn năn sám hối thường tìm về St. William's College ở phía sau Nhà thờ lớn. Hắn đã cùng người em trai cướp và giết chết một vị linh mục giàu có, lạnh lùng phản bội đồng phạm sau đó rồi còn đứng xem người này bị treo cổ như thế nào nữa.



King's Manor.

Còn có "Bá tước không đầu": Năm 1572 người ta đã chặt đầu Thomas Percy, bá tước của Northumberland, người trung thành với Công giáo mưu hại Nữ hoàng Elizabeth I theo Tin Lành. Đầu của ông được cắm để bêu rêu trên Micklegate Bar. Đến một lúc nào đấy cái đầu được mang đi chôn vùi và ở đâu đó trong nghĩa địa của Holy Trinity Church và từ đó thân hình của vị bá tước đêm đêm đi tìm cái đầu của chính mình.

Phía nữ cũng có "người đàn bà không đầu": Trong thế kỷ 18 một người phụ nữ giàu có đã bị cướp giết chết. Nhiều ngày sau đó, khi phát hiện ra thì đầu bà đã rời thân mình. Và từ đó con ma không đầu này thường hay xuất hiện trong khu phố Bishopthorpe, nơi bà bị giết chết. Nhiều năm trước đây người dân ở Middlethorpe và Bishopthorpe ai nấy cũng đều cho rằng mình đã từng nhìn thấy con ma không đầu này.

Không có nơi nào là an toàn không có ma cả, trong quán rượu lại càng không. Trong The Old Starre Inn (số 40 Stonegate) khách đến quán có thể nghe được tiếng rên rỉ của những người lính bị thương. Đặc biệt táo bạo là con ma trong quán The Cock and Bottle (số 61 Skeldergate) mà người ta đã nhận dạng được chính là George Villiers, công tước thứ hai của Buckingham. Kẻ độc thân không biết gương này, "người hôn phụ nữ và làm cho họ kêu thét lên", chỉ xuất hiện trước phụ nữ và đôi khi còn chọc ghẹo họ nữa: Quý cô, quý bà đã được cảnh báo trước nhé!





Áo

Linz: Người đẹp kín đáo cạnh dòng sông Danube

Trên đường từ thành phố Salzburg xinh đẹp đến thủ đô Wien lộng lẫy người ta thường không nhìn thấy Linz: Không có toàn cảnh dãy núi Alps, không có quyền rũ Baroque di sản thế giới của UNESCO, không có lãng mạn xe ngựa trắng lệt và ngay đến Mozart cũng chỉ đến viếng thăm qua loa. Thành phố chỉ đi vào sách nấu ăn với món bánh ngọt truyền thống và đi vào sử sách như một nơi có nhiều dự án hoang đường của Adolf Hitler.



Linz, người đẹp cạnh dòng sông Danube.

Nhưng có phải nhiều tình yêu chỉ bắt đầu từ cái nhìn lần thứ hai hay không? Và nàng công chúa ngủ trong rừng cũng đã phải cần đến một hoàng tử đánh thức. Chàng hoàng tử của thành phố cạnh sông Danube này mang tên "Linz09", tên gọi cho năm là thủ đô văn hóa châu Âu.

Thành phố công nghiệp Linz có một đời sống văn hóa nghệ thuật hiện đại, mang nhiều thiên nhiên trong lòng thành phố và qua truyền thống lâu đời của một nơi buôn bán trong lịch sử đã bảo tồn được một nét sống động đặc biệt.

Vươn cao trên thành phố, trong ngôi Nhà thờ Thánh Martin là Chúa Giê xu trên thập tự giá, một bích họa của năm 1440 – minh chứng lâu đời nhất cho tính quốc tế của Linz. Đây là bản sao của tác phẩm trong Thánh đường Lucca ở Ý. Có lẽ một thương gia đã nhìn thấy tác phẩm này ở Lucca và cho sao chép lại tại Linz.

8

Vì xưa nay dòng sông Danube bao giờ cũng mang người từ khắp nơi trên châu Âu đến thành phố Linz. Con người đã định cư ở đây từ thời Đồ đá mới. Linz được nhắc đến lần đầu tiên trong các văn kiện trong năm 799 như một nơi buôn bán thời Trung cổ.



Quảng trường Chính (Hauptplatz) là trái tim của Linz: Một quần thể nhà cổ với mặt tiền Baroque có màu sắc tươi sáng. Trong một căn nhà 600 năm tuổi là "Hotel Wolfinger", nơi nhiều hoàng đế và vua chúa đã từng qua đêm. Mặt tiền không quá rộng, không có quá nhiều cửa sổ. Ngày xưa người ta phải đóng thuế theo chiều dài của mặt tiền. Vì thế mà những căn nhà ở đây được xây hẹp nhưng rất sâu vào phía sau. Người ta đã xây như thế trước đây 600 năm, thời mà Linz là một nơi buôn bán sầm uất.

Linz là một trong số các trung tâm kinh tế lớn nhất của Áo với nhiều tập đoàn công nghiệp như tập đoàn thép Voestalpine hay công nghiệp hóa. Nhiều hội chợ và hội nghị mang doanh nhân từ khắp nơi trên thế giới đến đây.

Thế nhưng đời sống mang tính quốc tế cạnh dòng sông Danube không tạo được dấu ấn trong người dân thành phố Linz. "Linz – người ta luôn mỉm cười ở Áo, khi ai đó nhắc đến tên thành phố này, nó tự nhiên có vần với tỉnh lẻ", nhà thơ, nhà văn người Áo Stefan Zweig (1881-1942) đã từng chế nhạo như vậy. Người dân Linz chắc chắn là những người thân thiện, nhưng họ không để cho cái mới, cái lạ đến với họ một cách dễ dàng.



Cột Chúa Ba Ngôi trên Hauptplatz (Quảng trường chính) có từ năm 1723.



Linz về đêm.





Vì thế mà những người sáng tạo nghệ thuật, những người mong muốn Linz trở thành một thành phố hiện đại với một giới nghệ thuật mang tính đột phá, luôn phải đấu tranh với nhiều sức cản. Công trình xây dựng có dạng như một cây cầu của Viện bảo tàng nghệ thuật Lentos cạnh bờ sông Danube đã nhanh chóng có cái tên "hộp đựng giày". Nhiều người dân đã phàn nàn rằng họ có cảm giác bị lóa mắt bởi mặt tiền phản chiếu của tòa nhà.



Viện bảo tàng nghệ thuật.

Chiếu sáng nghệ thuật nhân dịp Giáng Sinh vài năm trước đây – một phác thảo của Đại học Nghệ thuật – cũng đã gây ồn ào với nhiều thiên thần nhỏ "khỏa thân". Người ta đã thất vọng vì không có "sao nhỏ" và "chuông nhỏ".

Trong năm là thủ đô văn hóa châu Âu (2009), Linz cũng không ngần ngại trình bày một chương lịch sử không mang nhiều niềm tự hào hãnh diện. Vì đã một lần thành phố này được dự định trở thành trung tâm của văn hóa và nghệ thuật – nhưng từ một phương diện khác. Adolf Hitler, đã từng đi học phổ thông tại Linz, đã có kế hoạch cho nhiều công trình xây dựng phô trương và nhiều con đường lộng lẫy, muốn xây dựng ở Linz một nhà triển lãm nghệ thuật lớn nhất thế giới. Cho đến nay, người ta vẫn còn gọi những khu nhà ở được xây vào thời đấy là "nhà Hitler". Nhưng may mắn là ngoài cây Cầu Nibelungen ra, nhiều kế hoạch của ông ta vẫn chỉ là ảo tưởng.

Người đẹp kín đáo sẽ làm cho cả châu Âu ngạc nhiên và sẽ cho cả thế giới biết rằng họ có rất nhiều khả năng hơn là làm chiếc bánh ngọt truyền thống.



Cà phê ở Wien

Có dịp đến thủ đô của nước Áo nhất định phải đi uống cà phê. Quán cà phê ở Wien là một truyền thống văn hóa rất độc đáo. Vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, nhiều quán cà phê ở Wien là nơi lui tới của giới văn nghệ sĩ và khoa học gia. Nhiều nhà văn đã sáng tác ngay trong quán cà phê, tạo nên dòng văn học mà ngày nay người ta gọi là "dòng văn học cà phê", những nhà văn đó được gọi là "nhà văn quán cà phê".



Quán Café Central.

Vào quán có thể gọi một ly "Kleiner Brauner", một ly nâu nhỏ, là loại cà phê đậm đặc tương tự như espresso có thêm kem sữa. Hay dùng thử một ly "Melange" pha nửa cà phê nửa sữa? Món uống "đặc sản" trong quán cà phê Wien là "Einspanner", một ly cà phê đen lớn, có kem sữa và rắc đường mịn như bột ở phía trên. Ly cà phê sẽ được mang ra trên một cái khay bằng bạc có thêm một ly nước lã, trên đó có một cái thìa, và người phục vụ sẽ không hề chào mời dùng thêm bánh ngọt nhưng anh ta sẽ có mặt khi cần thêm một ly nước hay khi người ta gọi anh bằng một câu "Xin lỗi!" lịch sự.

Có thể ngồi hàng giờ trong một quán cà phê ở Wien để đọc báo dưới ánh sáng vàng của những chiếc đèn treo trên trần, trong tiếng lách cách của bàn bi da, tiếng rì rầm nho nhỏ của những người khách, tiếng kêu xì xì của những chiếc máy pha cà phê và trong mùi hương kín đáo của cà phê, thuốc lá và nước hoa.

Một quán cà phê Wien nguyên thủy phải như vậy, nơi lui tới của những người "cần xã hội để cô đơn", "nơi của những người phải giết thời gian để đừng bị nó giết chết" như nhà văn, dịch giả Alfred Polgar (1873-1955) đã từng nói. Bàn về quán Café Central trong quận 1 của Wien, ông cũng đã từng nói rằng đó là "một thế giới quan mà nội dung thâm kín nhất là không nhìn ra thế giới. Vì nhìn thấy được cái gì?"





Thật ra thì người ta có thể nhìn được nhiều thứ trong quán Central đã được phục hồi lại đây chứ. Gần như không một quán cà phê nào khác ở Wien lại lộng lẫy hơn: Trần vòm nhọn cao có bích họa trang trí, cột bằng đá hoa cương, đèn treo sang trọng, băng ghế được bọc vải hồng với nhiều đường nét trang trí, góc ngồi nhỏ với những cửa sổ để quan sát người khác và ở cửa ra vào là bức tượng của nhà văn Peter Altenberg (1859-1919) bằng giấy bồi, người khai địa chỉ của quán cà phê này làm địa chỉ cư ngụ chính thức. Cuối thế kỷ 19, khoảng thời gian được gọi là *fin de siècle*, Café Central là nơi gặp gỡ của giới tinh hoa Wien. Ở đây có đến 250 tờ báo bằng 22 thứ tiếng. Karl Kraus (1874-1936), một trong những nhà văn và nhà báo người Áo nổi tiếng nhất của thế kỷ 20, đã có ý tưởng cho nhiều tiểu luận sắc bén tại đây, nhà văn Franz Kafka (1883-1924) đã thảo luận về triết học ở đây với người bạn của ông là nhà văn Max Brod (1884-1968) và Leon Trotsky cũng là một người khách đánh cờ quen thuộc, nhưng dưới tên trong khai sinh của ông.



Quán cà phê Griensteidl năm 1896.

Tất cả những cái đó đã qua lâu lắm rồi, giới văn sĩ thời nay đã chuyển sang quán Café Bräunerhof (số 2 Stallburggasse trong quận 1), nơi nhà văn Thomas Bernhard (1931-1989) đã là khách quen thuộc. Đến Café Central ngày nay chủ yếu là khách du lịch. Họ gọi to "à" và "ò" rồi bấm máy ảnh số và chăm chú lật những quyển sách hướng dẫn du lịch thay vì đọc báo. Số phận quán Café Griensteidl ở tại Michaelerplatz đối diện với Cung điện hoàng đế cũng vậy. Đây là nơi nhà văn người Áo-Do Thái Theodor Herzl (1860-1904) phác thảo tác phẩm "Nhà nước Do Thái" nổi tiếng. "Café hoang tưởng" là tên gọi châm biếm thời đó cho cái quán cà phê của nghệ sĩ này, nơi lui tới của Arthur Schnitzler (1862-1931) và Hugo von Hofmannsthal (1874-1929), những nhà văn đại diện cho *Wiener Moderne* – phong trào văn học Hiện đại Wien, cũng như của các nhà soạn nhạc Hugo Wolf (1860-1903) và Arnold Schönberg (1874-1951).



Khi quán cà phê Griensteidl cổ xưa trong dinh Dietrichstei bị giệt sập năm 1897, nhà văn Karl Kraus đã than vãn rằng: "Nền văn học của chúng ta đang đối mặt với một thời kỳ vô gia cư, dòng chỉ sản xuất thơ văn đã bị cắt đứt đi một cách tàn nhẫn". Nói rồi ông, cũng như nhiều người khác, "dọn nhà" sang quán Central. Bây giờ vào quán Griensteidl mới tái khai trương năm 1990 nhiều du khách đã trang bị bàn ghế trông có vẻ cũ kỹ đánh lừa. Quán Café Museum (số 6 Friedrichstraße thuộc quận 1) cũng vậy. Khai trương năm 1899, quán này đã là nơi lui tới thường xuyên của các nhà văn Franz Werfel (1890-1945), Robert Musil (1880-1942), Hermann Broch (1886-1951), Georg Trakl (1887-1914) và Elias Canetti (1905-1994), của họa sĩ Gustav Klimt (1862-1918) và nhiều nghệ sĩ khác thuộc nhóm Ly khai Wien, là nhóm đã tạo một phong cách riêng biệt của Tân Nghệ thuật.

Quán được xây lại năm 1930, thời gian gần đây trang trí bên trong đã được phục hồi theo phiên bản nguyên thủy của kiến trúc sư Adolf Loos (1870-1933) nổi tiếng. Chỉ có điều là thời nay đường nét đơn giản của kiến trúc sư Loos không còn mang tính cách mạng nhiều như ngày xưa nữa, thời mà Hoàng đế Franz Josef đã phải cho đóng ván che kín những cánh cửa sổ của cung điện nhìn xuống Michaelerplatz để không phải nhìn thấy một ngôi nhà do kiến trúc sư Loos xây. Những người khách quen của Café Museum thường hay nhớ đến trang bị nội thất mang tính viễn tưởng thời thập niên 1930 của nhà thiết kế và kiến trúc sư Josef Zotti (1882-1953), cả những chiếc ghế ngồi không thoải mái và người phục vụ bản tính đến mức đã trở thành huyền thoại nữa. Chúng đã được mang vào viện bảo tàng năm 2003. Ít ra thì có thể tham quan bàn ghế trong Viện bảo tàng Hofmobilien và người phục vụ cẩu gắt thì cũng có ở nhiều nơi khác.



Nhà Loos, ngôi nhà gây sốc ngay trong trung tâm Wien. Hoàng đế Franz Josef đã cho đóng ván che kín những cánh cửa sổ của cung điện nhìn ra ngôi nhà này và từ đây cho đến cuối đời không bao giờ dùng lối vào cung điện ở Michaelerplatz nữa để không phải nhìn thấy "căn nhà kinh tởm" này.





Nhưng nguyên thủy còn lại ở đâu? Người hoài cổ nên đến Diglas (số 10 đường Wollzeile quận 1), nơi còn có những món đồ ngọt tuyệt diệu nhất của Wien. Trong Café Sperl (số 11 Gumpendorfer Straße thuộc quận 6), cũng đã là nơi lui tới của nhiều nghệ sĩ thuộc nhóm Ly khai Wien, gần như tất cả đều như cũ, và việc cấm sử dụng điện thoại di động cũng mang lại sự yên tĩnh dễ chịu. Thay vào đó người ta có thể lướt web không dây: truyền thống và hiện đại không nhất thiết phải cản nhau. Cũng cổ xưa tuyệt vời như vậy là Café Eiles ở số 2, Josefstädterstraße trong quận 8.

Đứng hàng đầu trong số các quán cà phê huyền thoại của Wien vẫn là Hawelka. Năm 1958 nhà thơ, nhà văn H. C. Artmann (1921-2000) đã gọi cái quán tối tăm đầy khói thuốc lá trong ngõ mang tên Dorotheergasse (quận 1) là "quán cà phê đẹp nhất". Lúc đó, quán này đã có gần 20 năm và được nhiều văn nghệ sĩ ưa thích vì Hawelka chưa từng được sửa chữa một lần. Cho đến ngày nay tất cả đều như ngày xưa, với băng ghế đỏ, bàn bằng đá hoa cương và khay mạ nickel.



Quán cà phê Hawelka.

Bà Josefine Hawelka đã khéo léo sắp xếp khách ngồi để cho nhiều con tim cô đơn tìm đến với nhau. Lúc bà qua đời năm 2005 sau khi cùng với chồng là Leopold Hawelka dẫn dắt quán cà phê suốt 66 năm trời, tất cả các tờ báo tại Wien đều đồng loạt đăng tin này trên trang nhất: Đã mất đi một phần lịch sử văn hóa Wien. Cho đến ngày nay, ông chủ quán Leopold vẫn ngồi chào khách đến ngay tại lối ra vào, mặc dù ông đã gần 100 tuổi. Và bây giờ người cháu Amir đang tiếp tục làm loại bánh Bucheln huyền thoại của cố bà chủ Josefine, cũng là người sẽ tiếp nhận quán cà phê này. Tức là du khách vẫn có thể tiếp tục đến đây để tìm "người khóa thân trong Hawelka", cho đến nay hình tượng này chỉ có trong bài hát "Jo, schau" năm 1976 của Georg Danzer (1946-2007) mà thôi.



Ba Lan

Lần phục sinh của thành phố Danzig

Người ta thường hay gặp trở trêu của lịch sử trong đất nước Ba Lan. Nổi bật nhất hẳn là Thành Marie có những bức tường thành khổng lồ bằng gạch ở Malbork nằm cạnh dòng sông Noget, cách thành phố Danzig 60 km về phía đông nam.

Trong thế kỷ 13, những hiệp sĩ của Dòng tu Đức đã tham gia cuộc chinh phục và di dân sang vùng đất phía đông của châu Âu. Họ đã biểu dương uy quyền thống trị ở đây qua thành trì này và đã cố thủ bên trong tường thành có 3 lớp khi huyền thoại bất bại của dòng tu tan vỡ trong trận Tannenberg năm 1410.



Thành Marie (Marienburg) gần Danzig.

Mặc dù vậy, sau khi Hồng quân Liên Xô bắn nát thành Marie năm 1945, chính người Ba Lan đã khôi phục lại từng viên gạch một của cái hầm móng cho những xung đột đầy đau thương giữa hai quốc gia Đức và Ba Lan.

Lẽ ra người ta phải dựng tượng đài kỷ niệm cho họ ở khắp mọi nơi trong Ba Lan, ở thủ đô Warszawa, nơi họ trùng tu lâu đài hoàng gia Baroque, ở Breslau tức thành phố Wrocław ngày nay, nơi họ phục hồi "những hòn ngọc của Gothic Schlesien", và tất nhiên là ở Danzig, thành phố tiêu biểu cho mối quan hệ Đức-Ba Lan đầy biến động.

Quá khứ của Danzig đã được tái hiện một cách mẫu mực đến mức năm 1978 người ta đã quay nhiều ngoại cảnh trong phim truyền hình dựa theo tác phẩm "Buddenbrooks" của nhà văn Thomas Mann (1875-1955) không phải tại thành phố Đức Lübeck trong tiểu thuyết, mà tại đây, Danzig, thành phố từ năm 1945 thuộc về Ba Lan dưới tên Gdańsk.

Trên đường tìm lại những nơi đã được nhắc đến trong "Cái trồng thiếc" của nhà văn Günther Grass, nhiều du khách thường bước qua chiếc Cổng Xanh. Rồi họ đứng yên đầy ấn tượng trước Tòa đô chính đã cháy rụi hoàn toàn trong chiến tranh và giờ đây





lại lộng lẫy tuyệt đẹp với cái tháp cao 81 m và nhìn không biết chán dãy nhà lịch sử ở Langer Markt, nơi nước lại chảy róc rách từ đài phun nước Merkur có từ thời Phục Hưng. Ở đó có ngôi nhà Artushof với gian phòng khách theo kiểu Cách điệu của giới thương gia đã được nhà văn E.T.A. Hoffmann (1766-1822) khen ngợi. Ngay cái lò sưởi rất nghệ thuật, cao 12 m gần đến trần nhà cũng đã được gắn lại từng mảnh một.

Những căn nhà của giới giàu có ngày xưa ở quảng trường Langer Markt trước Tòa đô chính cũng đã phục sinh như phượng hoàng từ đống tro tàn. Mặt tiền của ngôi Nhà Vàng lộng lẫy (1609) được trang trí từ trên xuống dưới bằng nhiều tượng lát vàng của những vua chúa châu Âu. "Nhà chim xuống nước như thể chúng đang đứng trên phá Venice", nữ thi sĩ Ba Lan Deotyma viết như thế năm 1858 về cây "Cầu Dài", không bắc qua con sông nào mà dẫn dọc theo bờ sông của Alte Mottlau. Đứng ở đây là biểu tượng nổi tiếng nhất của Danzig: cái cổng có tên Krantor (1444) với tháp tròn bằng gạch nung và một kết cấu gỗ ở giữa: Thiết bị đòn bẩy lớn nhất thời Trung cổ.



Quảng trường Langer Markt và Tòa đô chính.

Nhà thờ Đức Bà kiểu Gothic cũng được người Ba Lan phục hồi lại sau khi bị hư hại nặng trong Đệ nhị thế chiến. Ngôi nhà thờ bằng gạch nung lớn nhất thế giới này (đủ chỗ cho 25.000 người) có bản sao của cái mà nhà văn Günter Grass gọi là "Ngày phán xét cuối cùng có thể gấp lại được". Một cướp biển người Danzig đã cướp tám tranh bộ ba rực rỡ màu sắc do Hans Memling vẽ từ 1469 đến 1472 và – có lẽ sau khi suy nghĩ lại – đã trao tặng chúng cho thành phố quê hương. Sau đây Napoleon đã bắt cóc nó về Louvre một thời gian ngắn, Hồng quân Liên Xô đã mang đi năm 1945.

Bây giờ phiên bản nguyên thủy đang được trưng bày trong Viện bảo tàng quốc gia Danzig. Người dân Danzig tức Gdańsk ngày nay – trong số đó có nhiều người Ba Lan đến từ những vùng đất ở miền đông Ba Lan đã thuộc về Liên bang Xô viết sau Đệ nhị thế chiến – những người đã phải chịu nhiều thiếu thốn để tài trợ cho công cuộc phục hồi Danzig cổ xưa, bây giờ chắc hẳn không phải lo nghĩ gì nữa về viễn cảnh do họa sĩ Memling sáng tác.



Bỉ

Brugge thơ mộng: hòn ngọc của vùng Flanders

Bầu trời chìm trong một ánh sáng màu nâu trong khi mực nước dâng lên cao và một làn sóng lặng lẽ tràn qua khu quảng trường được lát đá tảng. Họa sĩ người Bỉ Fernand Khnopff, một đại diện chính của trường phái Tượng Trưng Bỉ, đã nhìn thành phố quê hương Brugge của ông ấy như một ẩn dụ cho sự điêu tàn và tận thế.



Nhà thời Trung cổ trên khu họp chợ lịch sử của Brugge

Trong trường phái Tượng Trưng, đây đã từng là một. Năm 1893, Georges Rodenbach trong quyển tiểu thuyết "Bruges la morte" nổi tiếng của ông ấy (Brugege chết) đã khiến cho thành phố xưa cũ này, với những con kênh đào chằng chịt như mê cung của nó, với màn sương mù và những cơn mưa phùn của nó, trở thành một ý nghĩ thâm kính cho nỗi lòng nhớ nhung cái chết. Nhưng chính sự mô tả nặng nề đẩy lại tạo nên một làn sóng du lịch tò mò. Bất thành linh, rất nhiều người muốn tận mắt nhìn thấy một thành phố, cái đã từng là một trung tâm tài chính của thế giới trong thế kỷ 15 và trong các dãy nhà kho ở cạnh bên cảng nội địa của nó chất đầy những kiện vải vóc quý giá và những bao gia vị đắt tiền, thật có thể chết chóc đến như thế hay không.

Thế nào đi chăng nữa thì Brugge thời đấy cũng là một thành phố quê mùa đáng sợ. Người dân của nó hết sức bức tức Rodenbach – cho tới khi đồng tiền từ dòng du lịch chảy vào nhiều cho tới mức người ta có thể sửa sang lại toàn bộ thành phố. Ngày nay, hàng đoàn khách đến viếng thăm đã lo sao cho bầu không khí buồn bã đó không thể nào mà xuất hiện được nữa, và với gần 100 khách sạn và trên 200 nhà hàng thì đúng là cũng không còn có thể nói về sự chết chóc được nữa.





Khi mặt trời chiếu sáng, và nó làm điều đó nhiều hơn là người ta hay quá quyết, thì Brugge ngày nay tươi đẹp như trên tấm thiệp lịch sử của Jan-Baptist Van Meuninghove (1638-1704). Nhờ một vài người Đức mà người ta vẫn còn có thể nhìn thấy rất nhiều tòa nhà đã không thay đổi từ thời đấy, trước hết là nhờ viên tư lệnh người Đức Immo Hopman, người năm 1944 đã từ chối không tuân theo một mệnh lệnh vô nghĩa về mặt chiến lược, bắn nát Brugge ra thành gạch vụn.

Liệt kê ra tất cả những hòn ngọc của kiến trúc Gothic ở Brugge là điều không thể, có nhiều đến như thế đấy. "Brugge là một vật trang sức bằng vàng mà trong đó ngôi Nhà thờ Đức Bà lóng lánh như một viên ngọc quý", danh họa Hans Memling đã viết như vậy từ ngay trong thế kỷ 15 rồi, mặc dù là ông ấy còn chưa biết tới vật báu quý giá nhất của thánh đường: bức tượng Đức Mẹ bông con bằng đá hoa cương trắng (1503/1504) của Michelangelo Buonarroti.



Thành phố Gent

Trong Sankt-Jansspital, người ta đã mang lại cho các tác phẩm của Memling một khuôn khổ xứng đáng. Hieronymus Bosch, Jan van Eyck, Pieter Brueghel con và Rogier van der Weyden thì ngược lại có nhiều trong Bảo tàng Groeninge. Ở đây cả một buổi chiều hoàn toàn không phải là vấn đề.

Nhưng như đã nói, ánh nắng mặt trời thường hay chiếu sáng, và rồi thì những góc phố nhỏ thơ mộng đó, những cảnh quang thành phố trong ánh sáng dịu dàng của buổi chiều, mới chính là những cái khiến cho Brugge trở nên quyến rũ đến như vậy. Tốt nhất là người ta làm quen với Brugge qua một chuyến tham quan bằng tàu thủy dọc theo các con kênh đào thơ mộng, sau hoàng hôn cũng tốt, khi thành phố được chiếu sáng rất nghệ thuật.

Thế còn Gent? So với Brugge cách đó một giờ ô tô, những ngôi nhà phô trương của các ngành nghề và những ngôi nhà kho ở cạnh bờ sông Leie, các nhà thờ, dinh thự, kênh đào và cầu của nó trông giống như chỉ có mặt ngoài, không thơ mộng bằng. Nhưng "Bê thờ Gent" của hai anh em Hubert và Jan van Eyck trong thánh đường Sint Baafs thì có lẽ thật sự là "tác phẩm đẹp nhất của Kitô giáo".



Bồ Đào Nha

Trong tu viện Alcobaça: Yêu cho đến tận cùng của thế giới

Trên một quách đá là dòng chữ "Até ao Fim do Mundo", thuật lại một trong những câu chuyện tình cảm động nhất thời Trung cổ. Có thể đến tham quan chiếc quách trong Tu viện Alcobaça, công trình xây dựng quan trọng nhất của dòng tu Xi-tô trên bán đảo Iberia, một trong số các tu viện lâu đời nhất, lớn nhất và nổi tiếng nhất của Bồ Đào Nha.

Từ năm 1154 các tu sĩ đã xây dựng ở miền trung của Bồ Đào Nha thành phố Jerusalem thần thánh của họ. Tuy mặt tiền đã được xây dựng lại theo phong cách Baroque trong thế kỷ 18, nhưng những đường nét kiến trúc nghiêm ngặt và thuần khiết của nội thất đầu thời Gothic vẫn còn lôi cuốn du khách cho đến ngày hôm nay.



Tu viện Alcobaça, di sản thế giới của UNESCO từ năm 1989.

Ở hai gian bên của nhà thờ trong tu viện, nằm yên nghỉ trong hai quách đá được trang trí rất lộng lẫy là hai người mà tình yêu của họ có thể không thần thánh nhưng lại mãnh liệt hơn cả cái chết: Vua Pedro I (1320-1367) và Inês de Castro. Nhà đại thi hào của Bồ Đào Nha Luis de Camões (1524-1580) đã lập cho hai người này một đài tưởng niệm trong trường thi "Os Lusíadas" (1572), nhiều tiểu thuyết và bi kịch khác cũng đã thuật lại câu chuyện tình này. Chuyện bắt đầu vào một ngày tháng 7 năm 1339 khi Pedro, chàng hoàng tử 20 tuổi của Bồ Đào Nha, phát hiện một người con gái xinh đẹp mang tên Inês de Castro trong đoàn tùy tùng của Constança, người vợ sắp cưới của anh, tuy giàu có nhưng lại nhiều tuổi hơn. Inês là con gái ngoài giá thú của một quý tộc người xứ Galicia, đôi mắt có thể đốt cháy được cả một hồ đầy nước như trong thi ca và lịch sử thuật lại. Người vợ không yêu thương của Pedro qua đời lúc sinh hạ đứa con trai đầu lòng. Ngay sau đó Inês, đã bị cha của Pedro đẩy ra khỏi xứ, quay trở về Bồ Đào Nha và cùng với người yêu sống trong một trang trại ở gần thành phố Coimbra. Hai người sống với nhau 4 năm đầy hạnh phúc và có 3 đứa con, cho đến khi triều đình Bồ Đào Nha không còn có thể chấp nhận được mối quan hệ mật thiết của





Inês với họ hàng từ xứ Galicia-Castile. Sau nhiều lần bày mưu lập kế, triều đình đã thuyết phục được Vua Afonso IV cho người giết chết Inês. Trong lúc Pedro đang đi săn, những kẻ giết mướn đã thâm nhập vào trang trại và chặt đầu Inês bị triều đình kết tội phản quốc. Khi trở về, Pedro chỉ còn nhìn thấy xác chết của Inês và 2 người con trai. Đau đớn đến mức điên cuồng, vị hoàng tử thề phải trả thù, nhưng cuối cùng đành phải chấm dứt cuộc nổi loạn chống cha đã trở thành một cuộc nội chiến. Pedro giả vờ hòa giải và chờ đợi. Ông lên ngôi 2 năm sau đó, cho bắt những kẻ giết vợ con, mổ sống những người này để moi tim khỏi lồng ngực sau khi đã dùng nhiều nhục hình hành hạ. Việc này đã mang lại cho ông biệt hiệu "O Cruel" ("Người dã man") nhưng Vua Pedro chẳng hề quan tâm đến điều đó. Ông cho người khai quật xác của Inês, đặt lên ngai vàng với đầy đủ lễ phục đẳng quan và toàn bộ triều đình, những người đã lạng lẹ đồng ý giết chết Inês, phải hôn tay người vợ đã chết của Pedro.

Vua Pedro đặt người yêu nằm trong dãy nhà ngang của nhờ thờ tu viện, trong một quách đá được chạm trổ trang hoàng thật lộng lẫy, được xem là một trong những quách đá đẹp nhất thế giới. Rất đáng tiếc là quân đội của Napoleon đã làm hư hỏng chiếc quách đá này. Tác phẩm nghệ thuật xuất sắc nằm trên 6 bức tượng hình ác quỷ đang ngồi: Biểu tượng cho những kẻ giết người đang bị tội lỗi của họ đè nặng xuống mặt đất. Nhiều cảnh tượng trong cuộc đời của Chúa Giê-xu trang trí cho 2 mặt dài. Ngày phán xét cuối cùng được mô tả đầy lồi cuồn ở phía chân quách. Nhiều thiên thần đang đỡ tượng của Inês trên quách. Người tình của Pedro cầm trong tay trái một chiếc găng tay, tay mặt mang một xâu chuỗi hạt trai.

Đối diện với Inês, Vua Pedro cho đặt một chiếc quách giống như vậy cho chính ông, để hai người có thể nhìn vào mắt nhau ngay khi vừa phục sinh. Trang trí ở đầu chiếc quách của ông là một đóa hoa hồng và 18 cảnh tượng của câu chuyện tình: Chỉ việc Inês bị giết chết là được bỏ qua. Từ năm 1367, Vua Pedro cũng an nghỉ trong chiếc quách của ông và vị trí của cả hai chiếc quách không hề được thay đổi. Rất nhiều đôi vợ chồng đã đến đây trong ngày cưới để thề mãi mãi chung thủy với nhau, như dòng chữ được khắc trên chiếc quách đá của Pedro: "Cho đến tận cùng của thế giới".



Quách đá của Vua Pedro I.



Đan Mạch

Làng họa sĩ ở Skagen

Hai người phụ nữ đang đi dạo dọc theo bờ biển vô tận. Những tia nắng ấm áp cuối cùng đang nhuộm vàng váy trắng của họ. Trong giờ khắc đó, nước biển dường như đã hòa nhập vào chân trời làm một.

Bức tranh nổi tiếng này, "Chiều hè ở bờ biển nam Skagen" (1893), đã được vẽ tại điểm cực bắc của Đan Mạch, nơi biển Bắc và biển Baltic gặp nhau, nơi Råbjerg Mile, đụn cát di động lớn nhất của Đan Mạch, bị gió thổi về phía đông bắc có đến 15 m hằng năm.



Đụn cát di động Råbjerg Mile, sa mạc tí hon của Đan Mạch.

Hiện tượng đụn cát di động đã được tường thuật lại trong biên niên sử Đan Mạch từ khoảng năm 1500. Biến đổi khí hậu thời đây, cộng với việc gió đổi chiều đã tạo thành nhiều đụn cát. Cát cũng đã tạo nên một biểu tượng của Skagen: Ngôi nhà thờ chìm trong cát chỉ còn nửa tháp chuông nhô ra. Được xây vào khoảng cuối thế kỷ 14, nhà thờ bắt đầu bị cát lấp từ thế kỷ 16 và cho đến năm 1795 thì phải bỏ trống.

Phong cảnh những đụn cát đẹp có một không hai đã lôi cuốn nhiều du khách cũng như nghệ sĩ. Chính những đụn cát này đã mang lại nhiều câu chuyện kể cho nhà văn nhà thơ nổi tiếng nhất của Đan Mạch Hans Christian Andersen (1805-1875) khi ông đến làng đánh cá Skagen năm 1859, trọ lại trong quán của Erik Brøndum. "Các anh có phải là họa sĩ không?", ông viết trên báo của Copenhagen: "Nếu thế thì hãy theo chúng tôi đến đây. Có rất nhiều cảnh để vẽ."

Tính bi kịch của bão tố và biển cả cộng với ánh sáng huyền thoại nổi tiếng, thứ ánh sáng thường lấp lánh, mềm mại, khuếch tán khắp mọi nơi, làm tan biến đường nét của bóng luôn thay đổi trong cơn hồi hải của những đám mây, chính ánh sáng đó đã thu hút nhà thơ và họa sĩ Đan Mạch Holger Drachmann (1846-1908) đến mức kể từ năm 1870 mùa hè nào ông cũng về Skagen.





Rồi nhiều họa sĩ theo chân ông: Micheal Ancher (1849-1927) đến năm 1874 và đã gặp người sau này là vợ của ông, Anna Brøndum (1859-1935), ở đây. Bà là con gái của ông chủ quán Brøndum mà ngôi nhà hàng khách sạn vẫn còn tiếp đãi khách cho đến ngày hôm nay. Trong một cử chỉ rộng rãi hiếm có thời đấy, mẹ của Anna đã gửi bà theo học trường nghệ thuật tại Copenhagen rồi sau đó là tại Paris. Anna Brøndum đã trở thành nữ họa sĩ hàng đầu thuộc trường phái Ấn tượng của Đan Mạch.

Bà Anna Ancher là người phụ nữ bên trái trong bức tranh được đề cập đến của Peder Severin Krøyer (1851-1909). Người phụ nữ kia là chính là người vợ uyên bác có nhiều hoài bão Marie Triepcke (1867-1940) của Krøyer mà những mộng mơ hội họa của bà đã nhạt nhòa trong bóng của người chồng nổi tiếng. Ông và nhiều người khác – Viggo Johanssen (1851-1935), Karl Madsen (1855-1938), Carl Locher (1851-1915), Laurits Tuxen (1853-1927), Christian Krohg (1852-1925) người Na Uy và Oscar Bjørk (1860-1929) người Thụy Điển – đã tạo nên làng nghệ sĩ mà sau này người ta gọi là các họa sĩ Skagen. Họ đã vẽ lại phong cảnh những đụn cát hoang sơ, cuộc sống cực nhọc của những người đánh cá và cả những cảnh công nghiệp nữa. "Tranh Skagen" được trưng bày trong nhiều triển lãm lớn tại châu Âu và châu Mỹ, mang lại danh tiếng trên khắp thế giới cho các họa sĩ.



"Chiều hè ở bờ biển nam Skagen", Peder Severin Krøyer (1893).

Năm 1908 Krøyer và nhiều họa sĩ Skagen khác đã tự thiết lập Viện bảo tàng Skagen với những bức tranh đẹp nhất của họ tại nơi gặp gỡ của các họa sĩ, trong khách sạn của người cha của bà Anna Ancher. Sau khi họa sĩ Krøyer qua đời năm 1909 căn nhà ở của ông được dùng để làm nhà bảo tàng trưng bày. Từ năm 1928 các tác phẩm này được trưng bày trong một căn nhà cạnh khách sạn của Brøndum. Lúc đó, Viện bảo tàng Skagen có khoảng 325 tác phẩm, phần nhiều là do chính các họa sĩ tặng, bao gồm cả bức tranh "Chiều hè" nổi tiếng của họa sĩ Krøyer. Ngày nay trên 1700 tác phẩm nghệ thuật được trưng bày trong Viện bảo tàng Skagen đã được mở rộng năm 1990.

Skagen đã trở thành một nơi du lịch xinh đẹp từ lâu. "Trung tâm Thiên nhiên Skagen Odde" (Skagen Odde Naturcenter) hiện đại cũng được một người Đan Mạch rất nổi tiếng kiến tạo: Jørn Utzon, kiến trúc sư của Nhà hát Opera Sydney. Trong trung tâm có một mô hình của bán đảo Đan Mạch bằng cát. Theo đó, nếu gió và cát vẫn cứ giữ



tốc độ và chiều hướng như hiện nay, thì khoảng 700 năm nữa người ta sẽ có thể đi bộ từ Đan Mạch sang Thụy Điển.

Nếu muốn nhìn thấy tận mắt phải đi ô tô hay xe buýt ra đến tận điểm có tên là Grenen. Ở đây, sau đụn cát cao khoảng 15 m, là mũi đất ngày một tiến dần ra biển. Đặt cùng lúc một chân trong biển Bắc, chân kia trong biển Baltic là một trải nghiệm mà không phải ai cũng có được.



Mũi đất Grenen, nơi biển Bắc và biển Baltic gặp nhau.





Đức

Nhà thờ lớn Aachen: di sản của Karl Đại đế

Karl Đại đế (747-800), tiếng La tinh Carolus Magnus, tiếng Anh/Pháp Charlemagne, tiếng Đức Karl der Große, vua của Vương quốc Franken, lên ngôi hoàng đế La Mã năm 800, được xem là vị cha đẻ của châu Âu. Người Đức và người Pháp thường xem ông là người khởi đầu cho lịch sử quốc gia của họ.

Karl Đại đế cho xây ngôi Nhà thờ lớn Aachen từ năm 785. Nhà thờ hoàn thành vào năm 800, sau 15 năm xây dựng. Ngay từ thời đầy vị tu viện trưởng của Tu viện Reichenau, Walahfrid Strabo, đã ca ngợi ngôi nhà cầu nguyện của Karl Đại đế như là "đền thờ vĩ đại của Solomon". Học giả Einhard, người viết tiểu sử của Karl Đại đế, nói về một "ngôi nhà của Chúa đẹp vĩ đại".



Nhà thờ lớn Aachen. Ảnh: Phan Ba

Tòa nhà hình bát giác cao có mái vòm với hai tầng và đường đi 16 cạnh có lối sắp đặt cột phông theo ngôi nhà thờ Byzantine San Vitale ở Ravenna của Ý, nơi ngự trị của các vị Hoàng đế Tây La Mã. Và ngôi nhà thờ này lại là một bản sao của nhà thờ Hagia Sophia của Hoàng đế Justinian I tại Constantinopel. Tây La Mã và Đông La Mã: Không thể không nhìn thấy truyền thống mà Karl muốn noi theo, người vẫn chưa là hoàng đế lúc cho xây ngôi nhà thờ đó. Những cột trong lối đi ở tầng trên có nguồn gốc từ thời Cổ đại, trong số đó có 6 cột bằng đá porphyry đỏ từ Ai Cập, loại đá mà thời đó chỉ được dùng để xây cho hoàng đế.

Nhà thờ có nhiều báu vật được tôn sùng từ hàng nghìn năm nay. Trong Quách Đức Mẹ, một tuyệt tác của thợ vàng từ thế kỷ 13, là bốn thánh vật của Nhà thờ lớn



Aachen: chiếc váy của Đức Mẹ từ đêm Thần Thánh, chiếc tả của Chúa Giêsu, tấm khố đầy máu của Chúa trên cây thánh giá và tấm vải mang máu của Thánh Gioan Tẩy Giả. Từ năm 1238 người dân đã hành hương về Aachen để viếng thăm những báu vật này. Bắt đầu từ năm 1349 Chuyến hành hương Aachen được tổ chức bảy năm một lần, các báu vật được trưng bày công khai trong dịp này. Người ta cho rằng Hoàng đế Karl đã được an táng trong chiếc quách bằng proserpina lỏng lấy từ thế kỷ thứ 2. Ngoài ra còn có một quyển sách Phúc Âm, bình đựng nước thánh bằng ngà voi (vào khoảng năm 1000) chạm đá quý, cây thánh giá Lothar thời triều Otto với chân dung của hoàng đế La Mã Augustus và bức tượng bán thân của Karl Đại đế, do Karl IV hiến tặng.



Trần hình bát giác của Nhà thờ Lớn Aachen. Ảnh: Phan Ba

Cho đến năm 1531, 30 vị hoàng đế Đức đã ngự trên chiếc ngai vàng bằng ngà voi để tiếp nhận Thánh chế La Mã các dân tộc Đức của Hoàng đế Karl. Những vật quý giá nhất trong Nhà thờ lớn Aachen đều là hiến tặng của những vị hoàng đế muốn nối gót Karl Đại đế, kế thừa truyền thống của Đế quốc La Mã ngự trị thế giới và muốn tái tạo lại một đế quốc như vậy.

Hoàng đế Otto III (994-1002) đã khởi đầu cho sự tôn sùng Hoàng đế Karl bằng cách hiến tặng nhiều vật báu cho nhà thờ. Hoàng đế Heinrich II, trong năm đăng quang 1014 đã hiến tặng một bức đọc kinh có lát vàng và nhiều trang trí theo kiểu phương Đông. Năm 1020 ông cho người treo tấm màn che bàn thờ đã được bắt đầu làm dưới thời hoàng đế Otto III. Đó là tấm màn che bàn thờ duy nhất còn lại từ thời triều Otto. Hoàng đế Friedrich Barbarossa (1122-1190) đã hiến tặng chiếc đèn treo khổng lồ mang tên ông, phản ánh lối kiến trúc bát giác đặc biệt của ngôi nhà thờ, lối kiến trúc tạo nên một hình ảnh của thành phố Jerusalem thần thánh qua ngôi nhà cầu nguyện của hoàng đế.

Trong thời Trung cổ, chiếc quách lỏng lẫ của Karl Đại đế nằm ngay dưới cái đèn treo này, ở phía trên những hình trang trí chạm nổi bằng bạc mạ vàng chỉ còn có bàn tay ban phúc lành của Chúa Trời. Năm 1215, Hoàng đế Friedrich II của dòng họ Hohenstaufen đã tự tay đóng đinh chôn cất vị hoàng đế dòng Karolinger vào trong chiếc quách mới. Gần 600 năm sau, Napoleon Bonaparte đã thăm viếng Charlemagne trong tháng 9 năm 1804 và chỉ 3 tháng sau đó đã tự mình đăng quang làm hoàng đế. Năm 1978 Nhà thờ lớn Aachen cùng với những báu vật là di tích đầu tiên của nước Đức được đưa vào danh sách di sản thế giới của UNESCO.





Huyền thoại người bắt chuột ở Hameln

Thật ra, hiện thành phố Hameln lại rất cần một người bắt chuột thật sự. Ông ta có thể đuổi bánh mì chuột ra khỏi tiệm bánh mì và cam thảo chuột ra khỏi tiệm bánh ngọt. Có ông, người ta sẽ không còn có thể cho du khách ăn đuôi chuột nướng và uống trà thuốc chuột hay rượu máu chuột nữa. Cà vạt chuột, tách chuột, áo thun chuột cũng sẽ biến mất. Ngay vở kịch người bắt chuột được trình diễn lộ thiên vào mỗi Chủ Nhật cũng sẽ thuộc về quá khứ chứ đừng bàn đến nhạc kịch mang tên "Rats".



Thành phố Hameln với huyền thoại người bắt chuột

Thành phố ở về phía tây nam của Hannover trong miền bắc nước Đức có đến 5 người bắt chuột chính thức. Nhưng họ không đuổi chuột ra khỏi thành phố mà lại dẫn du khách đi tham quan nội thành. Nhiều người Nhật còn biết rõ Hameln hơn cả Cổng Brandenburg ở Berlin nữa. Thành quả của quảng bá đấy. Hằng năm, trên 2 triệu du khách trong ngày đổ về thành phố có chưa đến 60.000 dân này: Đến chuột cũng phải bỏ chạy nếu như vẫn còn sót lại chú nào (chuột thật chứ không phải chuột giả).

Trong khi đó thì tất cả chỉ là trò bịp mà thôi. Một chuyện có thật, đã xảy ra tại Hameln trong thế kỷ 13 được kết nối với đại nạn chuột 300 năm sau đó. Dòng chữ khắc lại trên "căn nhà của người bắt chuột" thuật lại rằng năm 1284 có một người thổi tiêu mang y phục sắc sỡ đã dẫn 130 trẻ em của thành phố bỏ đi mất. Có lẽ ông ta là một người lạ đến để khuyến dụ người dân Hameln bỏ làng đi lập nghiệp trong miền đất mới ở phía đông. Chẳng có một từ nào nói về người bắt chuột cả. Thế nhưng chậm nhất là từ thời của anh em Grimm viết truyện cổ tích thì người thổi tiêu đã hòa nhập với người bắt chuột trở thành một nhân vật duy nhất: Người bắt chuột ở Hameln. Bị hội đồng thành phố quyết khoảng tiền công sau khi đim những con vật gây phiền hà xuống dòng sông Weser, ông ta đã thổi tiêu dẫn 130 trẻ em của Hameln ra khỏi thành



phổ để trả thù, và chúng không bao giờ quay trở về nữa. Câu chuyện này của anh em Grimm có lẽ là một trong số những huyền thoại Đức được biết đến nhiều nhất, được dịch ra hơn 30 thứ tiếng. Và điều rất dễ hiểu là Hameln ngày nay thuộc số các điểm đến của tuyến du lịch "Đường Cổ tích" theo dấu vết của anh em Grimm.



Nhạc kịch "Rats" tại Hameln

Không hiểu bây giờ nếu có ai nghịch ngợm dám cả gan mang tiêu ra thổi trên đường Bungelosen thì sẽ ra sao nhỉ? Những đứa bé của Hameln đã đi trên con đường này qua công Phục Sinh (Ostertor) ra ngoài thành phố, và sau đó âm nhạc vĩnh viễn không còn được phép vang lên trên "con đường không có âm thanh" đây. Cho đến ngày nay vẫn còn cấm.

Nhưng câu chuyện cũng có mặt tốt của nó. Nếu không có huyền thoại này thì có lẽ người ta sẽ chẳng bao giờ đến thăm thành phố, chẳng bao giờ biết đến những kiến trúc phi tôn giáo tuyệt đẹp trên đường Phục Sinh (Osterstraße) theo một phong cách rất riêng biệt mà các sử gia nghệ thuật gọi đó là Kiến trúc Phục Hưng Weser: Những tòa nhà có công cung tròn, đầu hồi xoắn ốc, nhiều dây hoa văn trang trí, cửa sổ lồi có chạm trổ điêu khắc với những mặt nạ, đường dây hoa chạm nổi và đầu sư tử. Nổi bật nhất là gian nhà ngày nay dùng làm Bảo tàng thành phố, thuật lại – biết rồi – huyền thoại của người bắt chuột, nhưng cảm ơn trời là không chỉ câu chuyện đó và căn nhà của người bắt chuột xây năm 1603 mang tên như thế đơn giản cũng chỉ vì có dòng chữ khắc như thế thôi.

Trong các ngôi nhà thờ (không có chuột) của Hameln có thể nhìn ngắm nhiều phong cách xây dựng: thí dụ như từ Roman qua đến Baroque trong Nhà thờ lớn của Hameln.





Và nếu nhìn ngắm kiến trúc Phục Hưng Weser chưa thỏa mãn thì có thể đến Thành Hämelschen (Hämelschenburg) cách đó 8 km về phía nam. Lâu đài này là thí dụ điển hình cho phong cách Phục Hưng Weser: Một quần thể hình móng ngựa với 2 tháp thang 8 cạnh.

Bodenwerder có nhiều nhà cổ, cách Hameln 16 km ngược sông Weser, cũng đã học tập thành phố láng giềng. Vị nam tước nói dối Karl Friedrich Hieronymus von Münchhausen (1720-1797) đã sinh ra và qua đời tại đây. Tòa thị chính, nhà của Münchhausen ngày xưa, tất nhiên là cũng được xây theo lối Phục Hưng Weser. Và tất nhiên là người Bodenwerder cũng đang ra sức quảng bá cho người con nổi tiếng của thành phố. Thật ra thì ông Münchhausen tuy đã đi đây đi đó rất nhiều và rất biết cách kể chuyện thu hút người nghe, nhưng những mẩu chuyện vô lý mà người ta truyền bá đi dưới tên của ông thì chưa bao giờ do chính ông kể lại cả. Không phải chỉ ở Hameln người ta mới thêm dẹt để lôi cuốn du khách.



Thí dụ điển hình cho Kiến trúc Phục Hưng Weser: Thành Hämelschen



Heidelberg lãng mạn

Trong một vài năm bắt đầu từ năm 1804, thành phố Heidelberg đã là một trung tâm cho thi sĩ và họa sĩ của thời kỳ mơ mộng đó, thời kỳ mà đã đi vào sử sách dưới tên Thời kỳ Lãng mạn.

Một thung lũng xanh mượt mà trải rộng ra về hướng thành phố. Sương mù trên dòng sông vào sáng sớm. Một tia nắng xuyên qua vòm lá. Một giếng nước dưới tàn cây, dường như có những tiếng thì thào kỳ bí vang lên từ nơi sâu thẳm của nó. Sự yên tĩnh bên trong khuôn viên của một tu viện cũ. Đám đông chen lấn trong những ngõ hẻm quanh Nhà thờ Thánh linh. Và ở bên trên của tất cả những cái đó là tàn tích rực màu đỏ thắm của lâu đài – thật ra thì các nhà thơ và họa sĩ vào đầu thế kỷ 19 chỉ cần lắng nghe và chiêm ngưỡng: tại Heidelberg, toàn bộ chương trình lãng mạn nằm trải rộng ra trước mặt họ.



Heidelberg với chiếc Cầu Cũ và lâu đài đồ nát cạnh dòng sông Neckar

Trước nền của những chiếc tháp đã bị đập đổ, họa sĩ nổi tiếng Carl Philipp Fohr đã vẽ cảnh chần chừ từ thời xưa cũ, thời mà người ta cho rằng đây là thời đã được ban phúc lành. Họa sĩ người Anh William Turner nhìn ngắm pháo đài trong ánh sáng mờ ảo của thung lũng cạnh dòng sông. Nhạc sĩ, nhà văn Joseph von Eichendorff ca ngợi linh hồn của lâu đài và sự vắng vẻ của cánh rừng. Nét quyến rũ của phong cảnh tạo nhịp điệu, thiên nhiên phong phú quyết định màu sắc, và những câu chuyện được thì thầm kể mang lại nét sâu lắng và ý nghĩa cho từ ngữ của các nhà thơ. Nhiều, nhiều người đã đi theo sự quyến rũ đấy.

Có lẽ đó là Friedrich Kreuzer dọn về từ Marburg, vị giáo sư về Triết học Cổ điển ở trường đại học vừa hồi sinh, người đã tìm thấy lời thần chú và đánh thức dậy bài ca đã





ngủ sâu trong những điều đó. "Bây giờ, trong những lần cô độc đi dạo trong tàn tích đồ sộ của lâu đài ở đây, tôi cảm nhận được sự bé nhỏ của nước Đức mới", ông đã viết như thế cho người bạn Clemens Brentano vào tháng 4 năm 1804, "tôi cảm nhận thành phố này là một nơi cho những người linh hội được Bài ca Lãng mạn trong nét sâu lắng của nó và có khả năng làm cho nó hồi sinh một cách xứng đáng."



Học viện Khoa học Heidelberg

Bretano đến Heidelberg chỉ vài tháng sau đó. Ông mang người vợ mới cưới đi cùng, nữ thi sĩ Sophie Mereau, người mà một Friedrich Schiller đã ngạc nhiên công nhận vài năm trước đó, rằng "phụ nữ chúng ta bây giờ đã biết cách tạo cho mình một cách viết khéo léo tiến gần đến nghệ thuật". Người bạn và rồi này là anh vợ của Bretano, Achim von Arnim, thường xuyên hay đến thăm, giảng sư đại học Joseph von Görres, người nghiên cứu về dân ca và huyền thoại của nước Đức xưa cổ, kết nhóm sau đó. Nữ thi sĩ Karoline von Günderrode được nhiều người tán phục cũng thuộc vào trong giới văn sĩ đây, cũng như em gái của Bretano, sau này là Bettine von Armin. Lời ca ngợi đầy tiên tri của Creuzer đã quyến rũ những người nổi tiếng đến khơi dậy sự lãng mạn ở Heidelberg. Có lẽ là như vậy.

Có lẽ đó là nam tước người Pháp Chales de Graimberg, người đã cảm nhận được thiên tài lãng mạn của thành phố và đã khiến cho nó nở hoa. Ngay chính trong những đồng đồ nát của pháo đài thời Trung cổ, người họa sĩ tài năng đã nghe thấy những bài ca từ nơi sâu thẳm của quá khứ, rõ đến mức ông đã định cư trong tàn tích đây năm 1810 và trở thành người bảo vệ di tích đầu tiên của nó. Ông đã khôn khéo quảng bá khám phá của mình, bảo vệ và ghi chép lại tàn tích của lâu đài, xuất bản tranh và sách, thiết lập một bảo tàng ở bên trong những bức tường và mở cửa lâu đài cho du lịch, việc chẳng bao lâu sau đây đã phát triển mạnh. Nét đẹp quyến rũ hấp dẫn của thung lũng bắt đầu lan truyền đi. Thế rồi người Phổ đến, người Anh, cả người Mỹ nữa.



Chiếc Cầu Cũ của Heidelberg

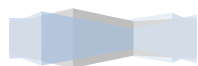
bỏ cái đồng hồ sộ vô dụng ấy. Và đối với cả nhiều người dân Heidelberg, lâu đài của họ thời đấy không có giá trị nhiều hơn là một mỏ đá ngay trước cửa nhà.

Sau mấy năm vàng son đó, những con người tài hoa đã kéo đi nơi khác. Sườn núi của thung lũng sông Neckar không còn là hậu cảnh thích hợp cho những cuộc tranh luận của thời gian trước cuộc Cách mạng tháng Ba 1848/1849 nữa. Nhưng sự lãng mạn luôn được tái khám phá.

Thỉnh thoảng, những mô tả mới cho lịch sử cũ tiến sát gần đến ranh giới của sự màu mè vô giá trị, và không hiếm lần chúng cũng nhẹ nhàng bước sang bên kia. Nhưng điều có thể xảy ra ở giếng Sói trong khu rừng huyền bí ở phía sau lâu đài là thời gian của lãng mạn Heidelberg có thể bắt chọt lại trở thành hiện tại, trong một cơn gió thoảng qua.

Một người Pháp giúp phát triển nét lãng mạn Heidelberg – đây là điểm gút của một sự mỉa mai đẹp. Vì chính quân đội Pháp đã phá hủy pháo đài trong chiến tranh. Hai lần, lần đầu năm 1689 rồi một lần nữa năm 1693 – 70 năm sau đó, sét đánh và trận hỏa hoạn kéo dài nhiều ngày đã kết thúc công trình xây dựng được tái thiết.

Nếu như Graitenberg không bị cuộc cách mạng trong đất nước của mình đưa đẩy đến Heidelberg, nếu như Johann Wolfgang Goethe, người cũng là một họa sĩ có tài, đã không vẽ phần dưới còn lại của tháp thuốc súng ngày xưa vào năm 1779 và người vẽ tranh Heidelberg Johann Georg Primavesi đã không xuất bản cả một loạt tranh khắc về "trượng đài kỷ niệm tuyệt đẹp của thời trước" này – ai mà biết được? Chính phủ xứ Baden ở Karlsruhe đã muốn phá





Lâu đài Neuschwanstein: Mơ ước của một vị vua

"Đúng theo phong cách của lâu đài hiệp sĩ Đức thuở xa xưa, ...trên đỉnh cao dốc đứng, chỉ bao quanh bởi khí trời", trong một bức thư gửi người bạn là nhà soạn kịch và soạn nhạc thiên tài Richard Wagner (1813-1883) vào tháng 5 năm 1868 vua Ludwig II (1845-1886) đã tưởng tượng lâu đài Neuschwanstein của ông như vậy.



Lâu đài Neuschwanstein

Lâu đài khác thường của vua Ludwig xuất phát từ những hình ảnh sân khấu trong các vở ca kịch của Wagner và với những cửa sổ hình vòm Roman, tháp nhọn Gothic, trang trí bằng vàng và đá hoa kiểu Byzantine nó gợi lên một thời Trung cổ siêu thực, không hề tồn tại giống như vậy. Nhất là lại được trang bị với những kỹ thuật tiên tiến nhất thời bấy giờ như hệ thống chuông điện gọi người hầu, hệ thống sưởi trung tâm và nhà xí giạt nước. Vua Ludwig đã cho xúc đồ đi đồng đồ nát đồ sộ của lâu đài Schwangau thời Trung cổ để xây ở đó một "đền thờ xứng đáng cho người bạn thần thánh". Số phận trớ trêu: Richard Wagner chưa từng một lần đến thăm lâu đài này.

Ngày nay, với hơn 1 triệu du khách hằng năm, tức có tới 5000 người trong một ngày vào mùa cao điểm và hướng dẫn tham quan bằng 11 thứ tiếng, hồi hải lên xuống cầu thang hằng nửa giờ đồng hồ để rồi chỉ được vài phút ngắm nhìn những gian sảnh thì khó có thể mà thả hồn bay theo những mộng mơ của vua Ludwig được.

Do không được xây hoàn tất nên ngày nay người ta dẫn du khách tham quan chủ yếu 6 gian phòng riêng của nhà vua và 2 gian đại sảnh lộng lẫy. Gian phòng khách mang một trong những chủ đề được vị vua ưa thích nhất: Huyền thoại của chàng hiệp sĩ Lohengrin trên chiếc thuyền do thiên nga kéo, cũng là nhân vật chính trong vở ca kịch cùng tên do Richard Wagner sáng tác. Các bích họa trong phòng làm việc thuật lại huyền thoại của người ca sĩ và thi sĩ Tannhäuser. Đây cũng là đề tài cho một vở ca kịch của Wagner. "Lohengrin" và "Tannhäuser" sống động thêm một lần nữa trong gian *Sängersaal* ("Sảnh ca sĩ") rộng lớn, nơi dự định trình diễn những lễ hội sân khấu của Wagner. Nhưng lộng lẫy nhất tất nhiên là gian sảnh ngự triều *Thronsaal*. Giấc mơ được ngự triều ở đây của vua Ludwig đã không thành hiện thực, ông qua đời trước khi gian sảnh hoàn tất.



Rất đáng tiếc là các đoàn xe buýt du lịch thường khởi hành sang Áo hay sang Ý ngay chiều hôm đó nên không còn bao nhiêu thời gian để biết đến nét quyến rũ thật sự của lâu đài Neuschwanstein, ngắm nhìn từ những góc độ khác thường – không chỉ từ cầu Marie bắc qua vực Pöllat. Tương truyền vua Ludwig đã từng đứng nhiều đêm trên cầu để chiêm ngưỡng lâu đài của ông sáng rực trong ánh đuốc và ánh nến. Ngọn Tegelberg cao 1707 m ở gần đó vẫn còn nhộn nhịp về chiều vì đây là điểm xuất phát được ưa chuộng của những người ham thích dù lượn và điều lượn. Có thể lên đến đỉnh núi bằng tuyến cáp treo và trên đường xuống núi ở sườn tây chỉ phải chia sẻ hình ảnh lâu đài với một ít người đi dạo thông thuộc đường lối.



Lâu đài Neuschwanstein

Vua Ludwig đã một mình tận hưởng những khát khao và ước mơ giải thoát trong lâu đài Neuschwanstein, cô độc đối thoại với những nhân vật không có thực trong lịch sử cho đến khi một phái đoàn của chính phủ chuyển giao cho vị vua thông báo tước quyền vào ngày 11 tháng 6 năm 1886. Số phận của vua Ludwig chấm dứt 2 ngày sau đó cạnh hồ Starnberg gần Munich và chỉ sau 7 tuần chính phủ Bavaria đã thông tục hóa lâu đài bằng cách mở cửa bán vé cho vào tham quan.

Nếu như cứ để yên cho vị vua này thì ngày nay chính phủ bang Bavaria chắc chắn sẽ vui mừng gấp bội, vì sẽ có thêm một nguồn thu nhập rất dồi dào. Năm 1883 vua Ludwig quyết định xây thêm một lâu đài hiệp sĩ trên núi Falkenstein gần làng Pfronten ngay cạnh biên giới Áo. Ở đây có lâu đài đồ sộ nhất Đức (1268 m). Thế nhưng lâu đài này vẫn chỉ là một mộng mơ. Chỉ có con đường lên núi và một đường dẫn nước là được xây hoàn thành, công việc xây dựng bị đình chỉ sau khi vua Ludwig qua đời. Ngày nay vẫn còn đáng công lên đó: Về phía đông là lâu đài Neuschwanstein mờ ảo trong màu trắng, giống như một ảo tưởng hào nhoáng và kỳ lạ.





Wismar: Vương quốc của ma cà rồng Nosferatu

Vào ngày 2 tháng 8 năm 1921 tờ Nhật báo Mecklenburg đăng một tin rao vặt rất kỳ lạ: "Tìm mua với giá cao từ 30 đến 50 con chuột để quay phim." Người yêu thích phim ảnh chắc hẳn sẽ nhớ lại: Những con chuột này thật sự đã từ boong tàu của chiếc thuyền tử thần không người lái chạy vụt vào khu phố cổ tối tăm đầy sương mù của Wismar để lan truyền dịch hạch. Thành phố Wismar, "Wisborg" trong phim, là nơi quay chính của phim âm kinh điển "Nosferatu. Eine Symphonie des Grauens" (Nosferatu. Bản nhạc giao hưởng của kinh dị) của đạo diễn Friedrich Wilhelm Murnau (1888-1931).



Cảng cũ của Wismar

Ngày nay, Wismar trông vẫn còn một ít ma quái vào lúc có sương mù, nhưng khi có ánh nắng thì khu phố cổ nhỏ bé nhiều màu sắc, từ năm 2002 là di sản thế giới của UNESCO, có bộ mặt thân thiện hơn rất nhiều. Tất cả vẫn còn đó: "Cổng Nước" với đầu hồi cuối thời Gothic, nơi Nosferatu vào thành phố với chiếc quan tài, chiếc tháp của Nhà thờ Đức Bà và nơi họp chợ mà trong phim của Murnau mặt trời đã êm đềm nằm trên những mái nhà đầu hồi ở đó cho đến khi cái chết xuất hiện.

Murnau đã từ chiếc tháp Gothic cao 80 m của nhà thờ Đức Bà để nhìn xuống nơi họp chợ. Rất tiếc là gian chính của Nhà thờ Đức Bà, một trong số các nhà thờ bằng gạch nung đẹp nhất trong miền Bắc Đức, đã bị giật sập năm 1960 do chiến tranh gây hư hại không thể sửa lại được. Vào lúc chiều tối, khi mặt tiền của những căn nhà có đầu hồi giống như hậu trường được chiếu sáng rất nghệ thuật, nơi này đẹp như tranh vẽ. Vẫn còn bảo toàn được nguyên thủy là ngôi nhà gạch nung xây năm 1380 ở mặt đông: Nhà hàng khách sạn "Alter Schwede" ("Thụy Điển Xưa") ở bên trong có từ năm 1878.

Không một thành phố Đức nào khác lại thuộc về một quốc gia không nói tiếng Đức lâu như Wismar. Người Thụy Điển tiến vào thành phố năm 1632, mãi đến năm 1903 Wismar cuối cùng mới hoàn toàn thuộc về Mecklenburg, mặc dù đã được thế chấp về cho Mecklenburg 100 năm trước đó.

Trong thế kỷ 17 và 18, thành phố đã đóng một vai trò quan trọng trong hệ thống quân sự của cường quốc Thụy Điển. Do có vị trí chiến lược thuận lợi, Wismar đã được xây dựng trở thành một trong số các pháo đài lớn nhất trong vùng biển Baltic. Kho vũ khí Baroque đồ sộ là một minh chứng cho thời kỳ này, do người Thụy Điển Erik Dahlberg (1625-1703) xây dựng. Kết cấu trần không cần cột chống này là một thành



tích kỹ sư bậc thầy. Là thư viện thành phố, ngày nay kho vũ khí phục vụ cho mục đích hòa bình.

Cho đến nay khách du lịch Thụy Điển vẫn thích thăm viếng Wismar để lần tìm về dấu vết cũ – và tất nhiên là cũng để cùng người dân thành phố chào mừng Lễ Thụy Điển hằng năm.

Cùng với 2 đảo Walfisch và Poel nằm trước đó, Cảng Cũ của Wismar là một trong những cảng an toàn nhất của bờ biển Baltic: Đó là lý do mà từ 1259 Wismar, thành viên của liên kết tay ba với Lübeck và Rostock, đã vươn lên trở thành một trong những thành phố hùng mạnh nhất của Liên minh Hanse. Thế kỷ 14 là thời kỳ nở rộ của Wismar. Cá, gia vị, lông thú, gỗ và rượu vang miền nam đã được chuyển tải ở đây – và tất nhiên là cả bia Wismar nữa. Thời đây cả nửa châu Âu thích uống bia này đến độ người Lübeck đã có thời gian cấm bán để bảo vệ cho bia của họ. Những người nấu bia là những người giàu có nhất trong thành phố thời đấy. Vào giữa thế kỷ 15 có đến gần 200 nơi nấu bia trong Wismar. Khi Liên minh Hanse bắt đầu suy sụp trong thế kỷ 16, thành phố bắt đầu mất đi tầm quan trọng và với cuộc Chiến tranh 30 năm (1618-1648) thời rực rỡ của Wismar đã thuộc về quá khứ.

Ngày nay người ta có thể ăn nhậu tại cảng Wismar trước hậu trường lịch sử của những ngôi nhà kho, trong nhà hàng hay quán rượu, hay đi dạo chơi bằng thuyền du lịch và tàu chạy bằng hơi nước. Đi đâu cũng nhìn thấy Nhà thờ Thánh Nicholas bằng gạch nung cuối thời Gothic, là nhà thờ duy nhất trong số ba nhà thờ lớn thời Trung cổ của Wismar không bị Đệ nhị thế chiến gây hư hại. Nhà thờ này là nhà thờ của những người đi biển và đánh cá, thuộc vào trong số



Nhà hàng khách sạn "Thụy Điển xưa"

những nhà thờ lớn nhất tại Trung Âu. Gian trong cao 37 m là một hòn ngọc của kiến trúc Gothic gạch nung ở Bắc Đức. Người ta đã dùng khoảng 3 triệu viên gạch để xây Nhà thờ Thánh Nicholas. Thế nhưng bộ thờ có nhiều điêu khắc trang trí từ năm 1430 thật ra là của Nhà thờ Thánh George còn lớn hơn nữa mà đang được xây lại từ nhiều năm nay.

Người hâm mộ Murnau tất nhiên là nhận ra ngay Nhà thờ Thánh Nicholas: Là nền trong cảnh chiếc tàu không người lái. Nhưng cảm ơn Trời là những con tàu mang dịch hạch chỉ thả neo ở đây trong phim mà thôi.





Hà Lan

Lãng mạn thành quách ở Groningen

Tranh, tranh và chỉ là tranh: nữ nghệ nhân Maya Wildevuur lưu trữ hằng trăm bức tranh trong Ennemaborg ở làng Midwolda nhỏ bé. "Tôi chỉ muốn biến nơi đây thành một viện bảo tàng", nữ họa sĩ nói, người sống và làm việc trong lâu đài nhỏ bé này từ đầu thập niên 1990. Bà đã mang về nhiều vật kỷ niệm từ những chuyến đi du lịch đến khắp nơi trên thế giới và triển lãm chúng trong lâu đài xinh xắn đây.



1 trong số 16 "thành Groningen": Niennoord trong Leek ở phía tây nam của Groningen.

Khi bà mở cửa phòng triển lãm tranh vào cuối tuần, khách yêu hội họa cả nửa nước Hà Lan thường đến để chiêm ngưỡng các tác phẩm đầy màu sắc của bà. "Đẹp nhất là vào đầu xuân và trong mùa hè, các cánh đồng cỏ sáng lên trong màu xanh đậm đã tươi mát", Maya Wildevuur thuật lại. Và rồi bà lại tìm thấy được những cảnh vật bà yêu thích nhất như hoa anh túc đỏ chói và cúc thi xa màu xanh đậm trong miền đồng quê quanh thành phố Groningen.

Ennemaborg, nơi cư ngụ của bà Maya Wildevuur, được xây dựng trong thế kỷ 14, thuộc trong số 16 thành trong vùng Groningen, những viên ngọc quý sáng lóng lánh trong vùng đất xa xôi ở tận cùng của miền đông bắc Hà Lan. Chúng là những gì còn lại từ hơn 200 thành trì và lâu đài đã từng nằm quanh tỉnh lỵ Groningen trong thời Trung cổ.

Những thành trì, lâu đài xinh xắn này là cơ ngơi của những người nông dân giàu có trong vùng. "Một số thành là dinh thự mùa hè của những thương gia giàu có từ Groningen", bà Ida M. Stamhuis giải thích, giám đốc lâu đài-viện bảo tàng mang tên Menkemaborg tại Uithuizen.



Từ năm 1927 là một viện bảo tàng: Menkemaborg với vườn hoa Baroque có nguồn gốc từ thế kỷ 15.

Menkemaborg được xây vào đầu thế kỷ 15 và đã trải qua nhiều biến động. "Chúng tôi không biết nhiều lắm về chủ cũ của lâu đài. Đó chắc hẳn là một gia đình quý tộc ở nông thôn mà con cháu họ đã vĩnh viễn rời bỏ lâu đài từ năm 1902", nhà nữ quản lý lâu đài nói.

Năm 1927 lâu đài nhỏ bé này trở thành một viện bảo tàng và ngày nay thu hút mỗi năm nhiều chục nghìn khách tham quan. "Phòng khuê, phòng làm việc, gian phòng khách rộng rãi to lớn và phòng ngủ được trang bị như thể chủ nhân của nó vừa mới bước ra khỏi và sẽ trở về ngay", nhà nữ chuyên gia về lịch sử nghệ thuật giải thích. Đặc biệt có giá trị là chiếc giường ngủ thời Trung cổ với lụa từ Trung Quốc. Khu vườn được kiến tạo theo phong cách Pháp cách đây trên 200 năm. Ngày nay, đây là vườn duy nhất của loại này trong vùng Groningen.

Vườn của các thành Groningen chứa nhiều kho báu. "Chúng tôi có đến 50 loại táo", Hilde và Dick Soek nói. Ông bà cho du khách đến ở trọ trong lâu đài mang tên Piloersemaborg tại Den Ham. 5 phòng trọ được thiết kế trong chuồng ngựa cũ, khách du lịch ăn sáng trong thư viện của lâu đài. "Phần lớn khách du lịch đến từ Amsterdam





và Rotterdam, họ muốn tìm sự yên tĩnh", Dick Soek nói. Vì thế mà một vài phòng không có ti vi, radio và cũng không có mạng internet.

Thay vào đó đầu bếp trưởng Soek mời khách tham dự tour đi xuyên qua vùng đồng quê Groningen, đến thăm các gia đình nông và ngư dân cung cấp cho nhà hàng "Het Schathoes" của ông ở lâu đài Verhilderum: Geale Postma chuyên hun khói lươn trong làng đánh cá Zoutkamp, tham qua cơ sở sản xuất phó mát cừu và đến xem cối xay gió trong làng Feerwerd lãng mạn.

"Chào mừng bạn đến với năm 1742" là câu khẩu hiệu của pháo đài Bourtange, cách Groningen khoảng nửa giờ ô tô về phía đông. Thời đó, thành phố-pháo đài gần biên giới Đức có quy mô rộng lớn nhất. Có đến 3000 người lính đóng ở đây để bảo vệ vùng Groningen. Pháo đài với hào nước, lũy đất cao như một ngôi nhà, súng thần công và nhà của sĩ quan chỉ huy ngày càng một xuống cấp mãi cho đến thập niên 1960. Rồi sau đây người ta đã phục hồi nó 15 năm trời.



Pháo đài có chỗ có 3000 người lính: Bourtange ở miền bắc Hà Lan gần biên giới Đức.

Ngày nay pháo đài phòng thủ mà vẫn còn 63 người sống bên trong là một hình ảnh minh họa cho thời Trung cổ. Du khách có thể qua đêm trong 12 căn hộ cho quân nhân đã được phục hồi hay trải nghiệm một trận đánh thời Trung cổ được dàn dựng lại vào một cuối tuần trong tháng 4.

Cô dâu chú rể có thể tổ chức lễ cưới một cách hòa bình dưới ánh đuốc trong một khung cảnh lãng mạn tại Bourtange. "Tất nhiên là chúng tôi bắn súng chào mừng lễ cưới", Margriet van Klinken của pháo đài Bourtange nói.



Luxembourg

Ấn tượng Luxembourg: ban công đẹp nhất của Châu Âu

Quán rất đắt khách. Bàn nào cũng có người. Vài người Anh ngồi ở bên phải – hay đó là người Scotland? Khách bên trái nói tiếng Ý. Những người ngồi cách đó 2 bàn nói tiếng Tây Ban Nha, họ trông giống như người từ Nam Mỹ. Thế nhưng khi người bồi bàn đến, tất cả họ đều nói tiếng Pháp.



... Vài người Anh ngồi ở bên phải – hay đó là người Scotland?...

Trước đó 15 phút, quán vẫn còn trống vắng cũng như đường phố. Vào khoảng 12 giờ, đường đầy người chỉ trong vòng vài phút. Họ đến từ Boulevard Royal, con đường bao bọc lấy khu phố cổ, nơi nhiều trụ sở ngân hàng nằm cạnh nhau. Họ bước qua Place d'Armes, quảng trường chính của Luxembourg, rẽ vào Grande-Rue, con đường mua sắm chính.

Cả thế giới nghỉ trưa ở đây: 11% lao động của thành phố Luxembourg làm việc trong ngành tài chính và hơn 44% đến từ nước ngoài. Thế nhưng có rất ít người sống ở đây. Thành phố Luxembourg có dân số 85.000 ngàn người, trong tuần vào ban ngày có 200.000 người ở trong thành phố. 115.000 người đây đến từ những thành phố và làng mạc lân cận hay từ Pháp chỉ cách 20 phút tàu hỏa, từ Bỉ hay từ Đức. Lương và công việc làm ở Luxembourg tốt hơn.

Không có người nước ngoài thì Luxembourg không thể trở thành như ngày nay: Một đô thị rất nhỏ nhưng mang tính quốc tế cao. Người lạ, người nước ngoài, người nói tiếng khác lúc nào cũng đã có ở Luxembourg. Vì thành phố-pháo đài cổ xưa này luôn





luôn bị các thế lực xa lạ chiếm đóng. Và cuối cùng, để chấm dứt cuộc chiến tranh giành thành phố kéo dài dường như vô tận, Hiệp ước London năm 1867 quy định phá bỏ pháo đài và Luxembourg trở thành một quốc gia độc lập. Ngay sau đấy, nhiều ngân hàng đã bắt đầu đến đây. Nhưng chỉ khi Cộng đồng kinh tế châu Âu thành hình và phát triển từ những năm 1960, đất nước này mới trở thành một trung tâm của tài chính quốc tế.



Pháo đài Luxembourg được xây trong lòng núi đá, di sản văn hóa của UNESCO.

Người từ hơn 140 quốc gia sống và làm việc trong đất nước nhỏ bé này, nhiều người trong số họ làm việc trong các công sở châu Âu hay trong một của 160 chi nhánh ngân hàng và hãng bảo hiểm.

Kiến trúc giống như viễn tưởng của tòa nhà hòa nhạc và Viện bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại (Musée d'Art Moderne Grand-Duc Jean) ở Quảng trường châu Âu (Place de l'Europe) là những thí dụ mới nhất cho kiến trúc hiện đại trong khu phố Kirchberg, nơi có nhiều ngôi nhà chọc trời và mặt tiền bằng kính của các công sở: Tòa án châu Âu, Cơ quan kiểm toán châu Âu, Văn phòng Quốc hội châu Âu và nhiều cơ quan khác.

Một tương phản đẹp với khu Kirchberg hiện đại là khu phố cổ Luxembourg với những con đường chật hẹp và ngõ hẻm quanh co quanh Dinh Đại Công tước và Nhà thờ Đức Bà. Nhiều cửa hàng nhỏ, quán cà phê sống động và nhà hàng sang trọng chào mời du khách ngừng chân và mua sắm.

Đi vòng quanh khu phố cổ mà từ năm 1994 là di sản thế giới du khách cũng có thể tham quan phần còn lại của pháo đài thời trung cổ. Ngọn núi sa thạch màu vàng của



trung tâm đã được đào sâu vào bên trong, trông giống như một miếng phó mát đầy lỗ của Thụy Sĩ: 3 vòng tường thành phòng thủ và đường hầm dài 23 km.

Hãy chấm dứt chuyến đi thăm bằng cách đi dạo trên con đường mang tên Chemin de la Corniche, có biệt danh là "ban công đẹp nhất của châu Âu". Từ con đường nhỏ ở rìa trung tâm thành phố, du khách nhìn xuống thung lũng sông Alzette và tu viện dòng Biển Đức từ thế kỷ 17 trong khu phố Grund. Cho đến năm 1995, tòa nhà này là trại giam và Grund là khu phố của người nghèo. Ngày nay, tu viện là một trung tâm văn hóa sôi động và khu phố đã trở thành một nơi có nhiều nhà hàng, quán rượu và vườn bia cạnh sông Alzette.



Thung lũng sông Alzette nhìn từ Chemin de la Corniche





Pháp

Thánh đường Chartres: trong ánh sáng huyền diệu của những cửa sổ hoa hồng

Bắt đầu từ năm 1194, người ta xây lại ngôi Nhà thờ Đức Bà của thành phố Chartres đã bị hỏa hoạn chỉ trong vòng có 27 năm. Cuối cùng thì tám mạng mà Maria đã mang trong lúc sinh ra Giêsu đã qua được lần hỏa hoạn thứ năm mà không bị hư hại gì và xứng đáng để có được một ngôi nhà có tầm vóc còn hơn thế nữa. Năm 876, hoàng đế Karl Hói đã mang thánh vật từ Aachen về Chartres, vừa kịp lúc, vì chỉ cái nhìn đến vật thánh đấy không thôi là đã đủ để xua đuổi những người Normann đang vây hãm thành phố.

Cổng phía Tây còn bảo toàn được cho tới ngày nay hé lộ cho thấy công trình xây dựng trước đó của giám mục Fulbert là đã lộng lẫy cho đến mức nào. Những bức tượng của các thánh trên cổng vua, hình thành trong khoảng từ 1145 đến 1170, thuộc trong số những gì đẹp nhất mà nghệ thuật điêu khắc thời Trung cổ đã sáng tạo được. Với những nét mặt vui tươi và với những nếp gấp thanh nhã của y phục trên người, những bức tượng đó đã loan báo rằng thời kỳ Gothic đang tiến đến gần.



Cửa kính nổi tiếng của Thánh đường Chartres



Và rồi người ta bước vào trong một vương quốc của ánh sáng và của những bức tường trong suốt. Trụ hình tròn, trụ hình vuông và đa cạnh chống đỡ cho một mái vòm cao 37 mét vươn lên bầu trời, tuy là các cái vòm trụ ở phía ngoài đã chịu phần chính. Nhờ có chúng mà ánh sáng từ trên Thiên Đàng được hứa hẹn với tất cả các màu sắc của một cái cầu vồng mới có thể nhảy múa qua những cây cột và để cho những đốm sáng nhiều màu chạy vụt qua sàn nhà khi mặt trời đứng bóng. Xanh cobalt đặc thảng vào buổi sớm mai, ánh sáng giữa trưa khiến cho màu đỏ của những cửa sổ hoa hồng rực lửa. Nếu có một đám mây kéo ngang qua mặt trời, ánh sáng rực rỡ đấy biến thành óng ánh mờ ảo huyền diệu. Mỗi một mùa đều có bản giao hưởng riêng của nó.



Nôtre-Dame de la Belle Verriere

Người ta cứ muốn đứng mãi ở trong đó, dùng một cái ống nhòm để chiêm ngưỡng cho thật kỹ mỗi một cái cửa sổ, cả thầy có 172 cái, với 1200 cảnh riêng lẻ, trên 5000 nhân vật và với một diện tích tổng cộng là 2500 mét vuông. Giống như có phép lạ, có ba cái cửa sổ Roman ở mặt Tây thoát được cơn hỏa hoạn. Đức Mẹ đồng trinh bồng con ngự trên ngai vàng vẫn còn mang nét Byzantine. Cũng thoát được sức phá hủy của những ngọn lửa là "Nôtre-Dame de la Belle Verriere" rất nổi tiếng, Đức Mẹ của thủy tinh đẹp trong màu xanh Chartres rực rỡ ám áp mà người ta đã ghép vào trong một cửa sổ của thế kỷ 13 ở cạnh lối đi phía Nam. Đóa hoa hồng lớn của mặt Tây, được hoàng hôn chiếu sáng, mô tả Làn Phán xét Cuối cùng.

Rồi còn tất cả những cái cửa sổ Gothic nữa chứ! Chúng hình thành chỉ trong vòng có 35 năm, từ 1205 đến 1240, một quyển Kinh Thánh bằng hình ảnh sáng rực rỡ

không bỏ qua bất kỳ một thông điệp cứu thế nào. Ánh nắng chiều chiếu sáng cây phả hệ Giesê, Ba Vua, Buổi Ăn Tối, nổi khổ hình Christ. Cảnh ở tường Bắc mờ ảo hơn: chúng kể về Karl Đại đế, người cưỡi ngựa chống Tây Ban Nha và chiếm Pamplona, về thánh Chéron. Trên một cửa sổ ở mặt Nam, Eva tóc vàng khỏa thân vừa mới bước ra khỏi xương sườn của Adam đang ngủ. Tất cả những hình ảnh này đều là những chi tiết được nêu lên một cách tùy tiện: các nhà sử học nghệ thuật đã viết nhiều quyển sách dày cộm về thứ tự sắp xếp của chương trình cứu thế đấy.

Có nhiều người đổ về Chartres vào mọi thời điểm, và cả nghề nghiệp của họ cũng sống mãi trên các cửa kính: thợ mộc, thợ rèn, nhạc sĩ và quý tộc trong y phục đắt tiền. Tất cả các ngành nghề đều hiến tặng cửa sổ, và vì thế nên có một nhà bào chế thuốc đang làm việc với chày và cối, người buôn da thú đang chào mời hàng của mình, thịt lóng lánh như một viên hồng ngọc ở ông hàng thịt, và cả những người thợ làm bánh của Beauce, vựa lương thực cũ của Pháp, cũng được phép sống mãi trong Jerusalem Mới, cái mà ngày đến Cách mạng Pháp cũng không dám động đến.





Giverny: Đến thăm vườn hoa của danh họa Monet

Xung quanh ngôi nhà màu hồng có cửa sổ xanh mà ông đã sống từ năm 1883 cho đến khi qua đời năm 1926, nhà danh họa Monet đã tạo cả một biển hoa rực rỡ, tươi nở mãi mãi trong nhiều bức tranh của ông.



Thánh đường Rouen

Cầu gỗ đã được vẽ rất nhiều lần kể từ năm 1895, và hoa hồng vẫn leo trên những vòng cung cạnh hồ như trong tranh "Cổng hồng tại Giverny" năm 1913.

Ánh sáng và bóng tối phản chiếu trên mặt hồ nước thường gây cảm hứng cho ông Monet. Hoa súng trắng và hồng trên mặt hồ đã quyến rũ nhà danh họa đến mức ông đã viết rằng: "Cảnh hồ nước với những phản chiếu của nó đã trở thành như một điều ám ảnh."

Vào khoảng năm 1897, bờ hồ bắt đầu biến mất, trong tranh của ông chỉ còn mặt nước với hoa súng và những phản chiếu của cây cỏ, bầu trời và mây. Với những bức tranh không có chân trời, không còn có định hướng không gian, Monet cuối cùng đã từ bỏ những chuẩn mực của trường phái Barbizon và thúc đẩy sự phát triển của hội họa biểu hiện và trừu tượng trong thế kỷ 20. Nghệ thuật không nhất thiết phải có một hình dạng được định trước mà nên mở rộng cửa cho trí tưởng tượng của người đang ngắm tranh.

Nhưng một vườn hoa tươi đẹp không bỗng chốc có được. Trong khi chờ vườn hoa thành hình, Monet đã vẽ những đụn rom vào cuối hè, cây liễu rủ cành và bạch dương trong nắng, những cánh đồng hoa diên vĩ vàng và hoa anh túc đỏ quanh Giverny. Tuy bị thấp khớp nhưng ông vẫn thức dậy rất sớm để vẽ cảnh sương mù trên sông Seine. Ông đến bờ biển Normandie để mang những tảng núi đá vôi của Etretat vào tranh và vẽ nhiều bức họa về Thánh đường Rouen, những tác phẩm báo hiệu cho sáng tác mang tính lập thể của Georges Braque và Pablo Picasso.

Cho đến nay, hoa diên vĩ màu tím và trắng vẫn nở vào tháng 5 trong clos normand, vườn hoa đầu tiên của Monet. Vào hè, cả một tấm thảm cải xoong chiếm lĩnh vùng đất ấy. Cái hồ nổi tiếng với hoa súng mà Monet đã cho nhập từ Nhật nằm trong vườn thứ nhì: jardin d'eau. Đậu tía có hoa màu tím bắc qua chiếc



Trong khu vườn của Monet

Đến vườn hoa của danh họa Monet ngày nay và nếu tưởng tượng rằng những du khách không có ở đây, người ta sẽ hiểu rằng danh họa Monet không những đã bắt đầu với những bức tranh của ông mà còn tạo một tác phẩm nghệ thuật vĩnh cửu qua vườn hoa này nữa.





Paris cho những người đang yêu

Tại sao Paris lại là thành phố của tình yêu? Rất đơn giản: Vì hằng triệu khách du lịch tin như vậy và vì văn học đã ca ngợi điều này từ ít nhất là 500 năm nay. Phải tự trải qua mới biết được: Vào buổi tối hãy nắm tay nhau đi dạo dọc theo bờ sông Seine và ngắm tháp Eiffel sáng rực trong màn đêm, đừng đếm xỉa đến những kẻ nhạo báng.

Nhưng nơi nào là nơi đẹp nhất cho những người đang yêu? Người ta trao cho nhau những nụ hôn lãng mạn nhất ở đâu? Đứng đầu danh sách tất nhiên là những cây cầu của sông Seine, và phải kể đến Pont Neuf đầu tiên, tuy mang tên Cầu Mới nhưng lại là cây cầu lâu đời nhất của Paris. Vua Henri III đặt viên đá đầu tiên cho cây cầu này năm 1578 và muốn gọi nó là "Cầu Nước mắt" để tưởng nhớ 2 người được ông sủng ái đã chết vì một cuộc đọ kiếm tay đôi. Năm 1991 đôi diễn viên Denis Lavant và Juliette Binoche trong phim "*Les Amants du Pont-Neuf*" ("Những tình nhân của Pont-Neuf") đã nhảy điệu waltz ở đây dưới pháo hoa của ngày Quốc khánh Pháp 14 tháng 7. Năm 1994 nhà thiết kế thời trang Kenzo đã chắt ngậm hoa trên cây cầu này. Đủ lý do để mang một đóa hoa hồng đến gặp nhau trên Pont Neuf và hôn nhau trên băng ghế dưới tàn cây dẻ trong Square du Vert-Galant rất lãng mạn.



Pont-Neuf, chiếc Cầu Mới của Paris.

Nhưng thật ra Pont Marie dẫn ra đảo Saint-Louis mới là cây cầu của những người đang yêu. Đang đi dưới cây cầu này mà ước một điều thì sẽ được toại nguyện nếu như không thổ lộ cho người đang đi cùng biết. Tức là phải đi tàu chèo khách du lịch Bateau-Mouche du ngoạn trên sông Seine và tất nhiên là người không cấm hôn nhau trên tàu. Sau đó hãy mua cho người yêu một ly kem tuyệt vời của Berthillon và tiếp tục tình tự trên băng ghế trong Square Barye, ở góc phía đông của hòn đảo, có đài tưởng niệm vua Henri IV. Pont de Arts dẫn đến Louvre lúc nào cũng đầy những đôi tình nhân, nhất là vào lúc hoàng hôn. Vì vậy nên đến đó vào lúc ban ngày, khi tiếng chuông của nhà thờ Saint-Germain-l'Auxerrois đang đổ vang.

Thích mang tính bi kịch một ít? Vậy thì phải tặng nhau một "*Baiser de l'Hôtel de Ville*" ("Nụ hôn cạnh tòa đô chính"). Năm 1950 nhiếp ảnh gia Robert Doisneau đã



chụp nụ hôn nổi tiếng nhất thế giới trước Tòa đô chính của Paris. Ngày đó ông chụp từ quán Café de l'Hôtel de Ville. Quán này ngày nay rất đáng tiếc là không còn nữa. Nhưng thế nào cũng có một người du khách bấm máy, trước trạm tàu điện ngầm, vào buổi chiều (có ánh sáng tốt hơn). Hay vào Viện bảo tàng Rodin đi: Ở ngay cạnh lối vào là nụ hôn nổi tiếng nhất của lịch sử điêu khắc, tác phẩm "Nụ hôn" của Auguste Rodin.



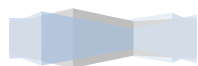
Nụ hôn nổi tiếng nhất thế giới: *Baiser de l'Hôtel de Ville.*

Nếu muốn trêu chọc khách du lịch hãy hôn nhau trước bức tranh Mona Lisa trong Louvre vì thật ra chẳng ai nhìn ngắm bức tranh này cho được rõ ràng qua tấm kính chống đạn cả. Chắc chắn là sẽ có một rừng ánh đèn flash lóa sáng và tiếng càu nhàu qua 100 ngôn ngữ. Nhưng cũng có thể người ta sẽ vỗ tay, chẳng biết trước được điều gì sẽ xảy ra tại Paris đâu.

Nên tặng cho người yêu một nụ hôn trên đồi Montmartre vào chiều tối, lúc một biển ánh đèn của Paris đang tỏa sáng phía dưới. Hay là tại "*Le mur des je t'aime*" dưới chân đồi Montmartre? Nghệ nhân Frédéric Baron đã để lại dòng chữ "Anh yêu em" qua hàng trăm thứ tiếng trên "Bức tường anh yêu em". Nơi này khá kín đáo nhưng cứ đi theo những đôi tình nhân là sẽ đến ngay. Còn muốn đặt cả Paris dưới chân người mình yêu thì nên lên quán Le Ciel de Paris ở tầng 56 của Tour Montparnasse, tòa nhà chọc trời cao nhất Paris (chỉ sau tháp Eiffel). Quang cảnh Paris nhìn từ đây sẽ làm tan chảy cả những trái tim sắt đá nhất.

Có biết hàng lang bên trong của nhà thờ tu viện Saint-Séverin chỉ mở cửa vào buổi chiều ở Saint-Michel không? Có thể hôn nhau kín đáo ở đây, xa lánh sự ồn ào náo nhiệt của dòng du khách, trên băng ghế dưới những tàn cây dẻ, chung quanh chỉ là những tượng phun nước.

Còn rất nhiều địa điểm khác cho một nụ hôn lãng mạn: Trên thuyền trong công viên Bois de Boulogne, trên các băng ghế trong Vườn Luxembourg hay trong Vườn Tuileries, nơi hẹn hò của những đôi tình nhân từ 500 năm nay. Ngày xưa, nơi đây





không những là nơi những người vợ không chung thủy hẹn hò với tình nhân mà còn là nơi tụ tập của hàng trăm cô gái lãng lơ.



Sân trong của nhà thờ tu viện Saint-Séverin.

Cảm ơn Trời là Paris cũng có một nơi để những đôi tình nhân đang giận nhau đến đây mà làm lành: Ở bến lộ thiên Bir Hakeim của tàu điện ngầm. Trên sân ga này diễn viên Maria Schneider và Jean-Pierre Léaud đã đắm (yêu) nhau để rồi ngã vào vòng tay nhau. Căn phòng nổi tiếng trong phim "Bản Tango cuối cùng ở Paris" chỉ cách đây vài bước. Nhưng nếu muốn đóng lại cảnh đó thì tốt hơn là nên tìm vào những khách sạn của Paris có giá đặc biệt từ 14 giờ đến 18 giờ. Vì yêu nhau vào buổi chiều cũng là một nét đặc biệt của Paris...



Séc

Mariánské Lázně: Chuyện tình của một đại thi hào

"Đẹp không thể tưởng được", nhà văn người Áo thường hay u sầu Franz Kafka (1883-1924) cũng phải thốt lên như thế trước quang cảnh của thành phố Marienbad tức Mariánské Lázně của Cộng hòa Séc ngày nay.



"Đài phun nước biết hát".

Thành phố nghỉ dưỡng nổi tiếng được bao bọc bởi những cánh rừng thông bao la, có nhiều công viên rộng lớn và 40 nguồn suối khoáng. Nhiều người đầu đội vương miện như vua Anh Edward VII và hoàng đế Áo Franz Joseph cũng đã đến điều trị trong ngôi nhà nghỉ dưỡng lộng lẫy Nove Lázně, được khánh thành năm 1896 ở rìa phía nam của công viên Skalnik. Ngày nay, khách đến đây có thể tắm nước khoáng chữa bệnh trong gian phòng từng được xây riêng cho Vua Edward VII. Gian phòng tắm "Römerbad" cũng được phục hồi, lộng lẫy với hàng cột đá hoa cương đỏ và trần vòm có bích họa trang trí.

Nhiều nhà văn nổi tiếng như Ivan Sergejevich Turgenev (1818-1883) và Nikolai Gogol (1809-1852), Friedrich Hebbel (1813-1863) và Hugo von Hofmannsthal (1874-1929), Henrik Ibsen (1828-1906), Mark Twain (1835-1910) và Rudyard Kipling (1865-1936) cũng đã từng bị quyến rũ bởi nơi nghỉ dưỡng đẹp nhất trong số 3 nơi nghỉ dưỡng ở miền tây Bohemia thuộc Cộng hòa Séc ngày nay. Đại thi hào Richard Wagner (1813-1883) tìm được nhiều gợi ý tại Marienbad. Ông đã phác thảo 2 trong số các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông tại đây: "Lohengrin" và "Meistersinger von Nürnberg". Richard Wagner thích nơi này đến nỗi suýt tí nữa ông đã tuyên bố thành lập lễ hội của ông ở đây.





Kiến trúc thời Fin de Siècle cuối thế kỷ 19 của thành phố vẫn còn gần như nguyên vẹn. Di dạo dọc dãy cửa hàng mua sắm trong khu nội thành không có ô tô của Mariánské Lázně du khách có thể chiêm ngưỡng nhiều đài phun nước của thời kỳ kiến trúc Cổ điển và các công trình xây dựng phô trương xa hoa, vật chứng cho sự lộng lẫy của Belle Époque ("Thời kỳ tươi đẹp") cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Kiến trúc bằng sắt uốn lượn tuyệt đẹp trong màu nâu vàng, trắng và màu đất son. Có thể mua quà tặng cho người yêu trong những cửa hiệu sang trọng hay dùng bánh kem trong quán cà phê ở đó.



Dãy cửa hàng mua sắm sang trọng trong Mariánské Lázně.

Ngày từ thời xưa những món bánh ngọt tuyệt diệu này đã là niềm an ủi cho khách nghỉ dưỡng, thường phải uống hàng lít nước khoáng trong khi đang đi dạo trong công viên. Nước có vị chua từ nguồn suối khoáng Karolina có tác dụng chữa sỏi thận. Ngay cạnh đó là "đài phun nước biết hát" được chiếu sáng về đêm, nhắc nhở qua những bản nhạc cổ điển rằng nhiều nhà soạn nhạc nổi tiếng thế giới như Antonín Dvořák (1841-1904), Johann Strauß (1825-1899), Anton Bruckner (1824-1896) cũng đã đến đây.

Marienbad cũng là nơi của nhiều cuộc tình lãng mạn vì giới quý tộc ngày xưa thường hay mang theo con gái đã đến tuổi lấy chồng đến đây. Và bao giờ thì những cuộc tình dang dở cũng là những cuộc tình mang lại nhiều sáng tạo nhất cho giới văn nghệ sĩ. Cả thế giới hàm ơn người con gái mang tên Maria Wodzunska, vì nhờ cô mà ngày nay chúng ta mới có được bản ballade g-moll op. 23 của Chopin. Năm 1836 nhà soạn nhạc thiên tài lúc đấy vừa mới 26 tuổi đã yêu người con gái Ba Lan 16 tuổi xinh đẹp này. Nhưng người bố nghiêm khắc thuộc dòng dõi quý tộc lâu đời đã ngăn cản mối tình bị cho là không môn đăng hộ đối, và Chopin đã tìm niềm an ủi trong soạn nhạc. Có thể đến thăm căn hộ ngày xưa của Chopin, bây giờ là nhà bảo tàng.

Trước đây 15 năm, năm 1821, Goethe đến để tìm cách chữa trị bệnh gút và sỏi thận, và đã yêu cô thiếu nữ 17 tuổi Ulrike von Levetzow lúc gặp nàng trong một cơn mưa. Khi Goethe sống trong ngôi nhà trọ "Chùm nho vàng" (ngày nay là Bảo tàng thành phố) 2 năm sau đó, 2 người đã cầm tay nhau đi dạo trong công viên và uống thứ nước có nhiều chất sắt của nguồn nước Ambrosius, "nguồn nước của tình yêu". Song người con gái trẻ tuổi vẫn "không thích lấy chồng".



Đài phun nước trong công viên nghỉ dưỡng.

Lúc Goethe tổ chức sinh nhật lần thứ 74 của ông trong quán Bạch mã ("Bílýkůň ") ở thành phố Locket gần đó, "người con gái bé bỏng yêu thương" Ulrike đã từ chối lần cuối cùng. Goethe thất vọng rời Marienbad và ngay trong chiếc xe ngựa trên đường trở về Weimar ông đã phác thảo tác phẩm *Marienbad Elegie* ("Khúc bi thương Marienbad"). "Đối với tôi đó là tất cả, tôi đã mất chính tôi, tôi, người còn được cả thánh thần thương yêu...", nhà đại văn hào ta thán và không bao giờ quay trở lại xứ Bohemia thân yêu của ông nữa. Ulrike von Levetzow không lấy chồng cho đến khi qua đời.





Tây Ban Nha

Toledo: Thành phố của ba nền văn hóa

Ngay cả khi họ đã mất Toledo về tay những người Kitô giáo, thành phố vẫn là "trung tâm điểm của châu Âu" trong thế giới Hồi giáo, vì trong thủ đô lâu đời nhất của Tây Ban Nha, ba tôn giáo lớn của thế giới đã cùng tồn tại một cách hòa bình bên cạnh nhau trong một thời gian rất lâu và đã làm phong phú cho nhau cả về tri thức lẫn nghệ thuật. Châu Âu không thể vươn lên về mặt khoa học nếu như không có phần đóng góp của Toledo.



Toàn cảnh Toledo. Bên trái là pháo đài Alcázar, bên phải là Nhà thờ lớn Toledo.

Đầu tiên, chính những người Hồi giáo chinh phục thành phố này đã khoan dung với Do Thái giáo cũng như Kitô giáo. Người Kitô giáo vẫn có thể tiếp tục theo đuổi tín ngưỡng của họ, việc không hề ngăn cản họ chia sẻ nền văn hóa của người theo đạo Hồi.

Năm 1085, khi Toledo lại thuộc về thế giới của Kitô giáo, Vua Alfonso VI của Castile (1040-1109) và cháu của ông ấy, Vua Alfonso VII (1104-1157), tiếp tục thực hiện chính sách khoan dung và không đụng đến chạm nhà thờ Hồi giáo cũng như nhà thờ Do Thái. Những người vẫn trung thành với tín ngưỡng Hồi giáo đã đặt dấu ấn nghệ thuật thủ công của họ lên thành phố. Người Do Thái, sống trong khu phố riêng có tường bao bọc xung quanh, đã có nhiều đóng góp vô giá trong khoa học. Giữa thế kỷ 12, giới trí thức tinh hoa từ khắp châu Âu đổ về Toledo để học hỏi kiến thức cổ xưa của người Hy Lạp, Ả Rập và Ba Tư. Nhiều tác phẩm về Triết học, Thiên văn học, Hình học, Y học, Thuật giả kim, Vật lý và thuật bói đầu tiên được dịch tiếng Tây Ban Nha, rồi các tu sĩ và giáo sĩ chuyển ngữ sang tiếng La tinh. Từ Toledo, các tác phẩm của triết gia Aristoteles, nhà y học Galenos và nhà bác học Ptolemaeus bắt đầu đi vào châu Âu. Rồi kiến thức đi vào trường đại học Paris vừa mới thành lập mà cuối thế kỷ 13 bắt đầu thay thế Toledo trở thành trung tâm khoa học của châu Âu.

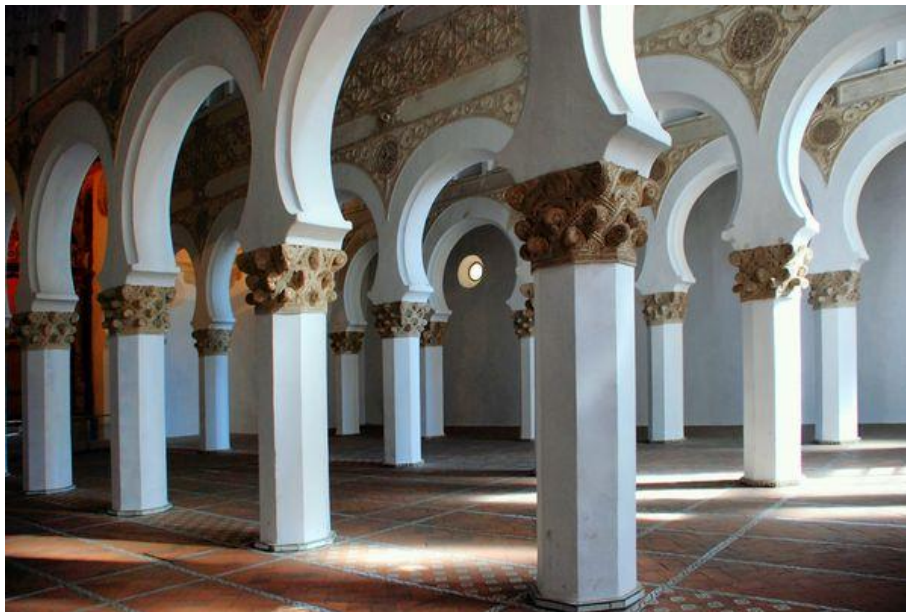
Ở khắp mọi nơi trong khu phố cổ của Toledo, từ năm 1986 là di sản thế giới của UNESCO, người ta vẫn còn tìm thấy dấu vết của thời kỳ vàng son này. Nghệ thuật của những người thợ thủ công Hồi giáo là một biểu hiện, được sáng tạo theo yêu cầu của người Kitô giáo và thỉnh thoảng cũng từ người Do Thái. Họ đã tiếp nhận những



từ vụng trang trí theo phong cách Ả Rập-Hồi giáo và tích hợp chúng vào trong kết cấu Gothic và Roman. Trong thánh đường khổng lồ của Toledo, lối đi quanh bệ thờ với những cung vòm rẽ quạt và trang trí dạng treo mang lại cho khách tham quan cảm giác như đang đi trong một nhà thờ Hồi giáo. Góc cầu nguyện San Eugenio còn có nhiều trang trí Hồi giáo tuyệt đẹp trên tường với nhiều mẫu hình hình học.

Toledo đầy những minh chứng cho kiến trúc của người Hồi giáo: Những công thành, nhà thờ Kitô giáo và nhà thờ Hồi giáo, và cả 2 nhà thờ Do Thái nữa. El Tránsito, do Samuel Halevi xây năm 1357. Và ngay cạnh đó là nhà thờ Do Thái Santa Maria la Blanca được xây năm 1257, một tác phẩm xây dựng tuyệt đẹp với những cung vòm dạng móng ngựa trên 24 cây cột bát giác.

Kỷ nguyên khoan dung ở Toledo bắt đầu chấm dứt trong ngôi nhà thờ đây. Năm 1405, tu sĩ Vicent Ferrer (1350-1419) dòng Đa Minh, sau này đã được phong thánh, đã thúc đẩy những người cuồng tín tiến hành một cuộc bài trừ người Do Thái đẫm máu trong ngôi nhà thờ Do Thái Santa Maria la Blanca.



Nhà thờ Do Thái Santa Maria la Blanca.

Nhưng ngược lại, năm 1478, ngay trước khi người Tây Ban Nha tái chiếm Granada, chính nữ hoàng Isabella I (1451-1504), còn được gọi là Isabella Công giáo, với ngôi nhà thờ tưởng niệm của bà và nơi chôn cất hoành tráng San Juan de los Reyes, đã chứng minh rằng người ta vẫn còn có thể thực hiện được những gì ở Toledo. Ở đây, kiến trúc Gothic đã hòa nhập một cách tuyệt vời với trang trí Hồi giáo, đặc biệt là tại hành lang bọc theo sân trong được hoàn thành năm 1505.

Nghệ nhân Rodrifo Alemán biểu hiện một cách đầy ấn tượng tôn giáo nào đã chiến thắng tại Toledo: Từ 1489 đến 1495 ông khắc lịch sử chinh phục Granada vào phía sau lưng ghế của đội đồng ca trong Thánh đường Toledo. Một tác phẩm độc nhất vô nhị mà chỉ có thể chiêm ngưỡng hết bằng đèn pin. Chẳng bao lâu sau đó, sự khoan dung cuối cùng cũng đã chấm dứt. Ở đây không còn chỗ cho người Do Thái và người Hồi giáo nữa, và tòa án dị giáo đang chờ những người Kitô giáo mới (đã cải đạo).





Thổ Nhĩ Kỳ

Istanbul: Cung điện từ 1001 đêm

Mái tóc đỏ xõa dài quá vai xuống đến tận bộ ngực trắng lóa lờ. Ánh mắt xa vắng. Bên cạnh mỹ nữ có một cái điều ống, một nữ nô lệ đang quỳ chơi đàn ở bên cạnh. Nàng quý phi nằm uể oải trên chiếc gối thêu vàng, nghe nhạc và dường như đang chờ đợi nhà vua đến.



"Odalisque và nữ nô lệ", 1840, Jean Auguste Dominique Ingres

Nghệ nhân người Pháp Jean Auguste Dominique Ingres (1780-1867) vẽ bức tranh "Odalisque và nữ nô lệ" năm 1840 mà chưa bao giờ vào thăm một harem. "Haram" là tiếng Ả Rập và có nghĩa là "cấm" – đàn ông xa lạ không được phép vào trong harem, chỉ các vị vua Thổ và thái giám mới được phép vào khu vực trong cùng của cung điện vua Đế quốc Ottoman ngày xưa; trong Cung điện Topkapi. Thái giám trông nom và giám sát thể thiếp của vua, những người bị cấm không được phép ra khỏi harem.

Có rất ít đề tài chấp cánh cho trí tưởng tượng của các họa sĩ và nhà văn Phương Tây nhiều như thế giới của harem – hậu cung của vua Thổ. Năm 1704, bản dịch đầu tiên của "1001 đêm" được xuất bản ở châu Âu, tác giả của nó, Antoine Galland, tuy đã bỏ đi những gì quá đậm dục nhưng truyện của ông đã khởi đầu cho một trường phái Đông Phương học mà trong đó harem đã biến thành một nhà thổ đẹp kỳ lạ và những cư dân của nó là nữ thần được yêu chuộng.

Hiện thực rất lộng lẫy: Vòm đồ sộ bắc ngang qua gian sảnh, ở giữa là chiếc đèn treo trắng lệt, trần được trang trí trong những sắc màu vàng, xanh dương nhạt và xanh lá mạ. Gạch men xanh trắng trên tường, gối thêu vàng trên sàn. Trường kỷ bằng vàng dưới trướng bằng gỗ. Ngày nay, gian sảnh lễ hội của harem, một phần của Cung điện



Topkapi, thuộc trong số những viện bảo tàng có nhiều khách tham quan nhất của Istanbul. Các vị vua Ottoman đã trị vì đế quốc rộng lớn từ trong cung điện này nhiều thế kỷ liền. Có thời, hơn 5000 người đã sống trong cung điện. Chỉ riêng harem thôi đã có đến trên 300 phòng.

Một trong số những người phụ nữ châu Âu hiếm hoi được phép vào trong hậu cung là Lady Mary Wortley Montagu, phu nhân của đại sứ Anh tại Constantinopel vào thế kỷ 18. Năm 1717, người phụ nữ lúc đấy 27 tuổi đã tả lại trải nghiệm của mình trong một bức thư cho người em gái: "Đầu họ đều trâm có đính ngọc lục bảo và kim cương. Họ mang vòng tay kim cương và 5 chiếc nhẫn kim cương, lớn hơn tất cả những hạt kim cương mà chị đã từng nhìn thấy. Chị chắc chắn rằng không có một hoàng hậu châu Âu nào lại có được nửa số đá quý ấy."



Sảnh lễ hội trong Cung Topkapi.

Hậu cung của Cung điện Topkapi là một vũ trụ riêng biệt với những quy định gắt gao và cấp bậc rõ ràng. Phòng có cửa sổ ngắm cảnh dành cho mẹ của các hoàng tử. Phòng càng lớn và càng xa xỉ thì vị trí của người cung phi càng cao. Người quan trọng nhất, có quyền lực nhiều nhất trong toàn Đế quốc Ottoman là hoàng thái hậu.

Người mẹ của vua cố vấn cho con trai trong những sự việc của triều đình, bảo vệ vua chống lại những mưu đồ làm phản và lựa chọn quý phi cho con từ trong số những mỹ nữ trong cung. Thái giám trông nom và dạy cho họ học. Nhiều cung phi của vua là người Gruzia hay người Nga và đã nổi tiếng vì sắc đẹp. Vài người đã bị bắt cóc và mang vào hậu cung của vua.

Như Roxelane, cho đến nay là người nổi tiếng nhất trong số những thê thiếp của vua Thổ. Trong thế kỷ 16, người con gái xứ Ba Lan này đã thăng tiến từ một nữ nô lệ trở thành quý phi của vua, người sống một vợ một chồng với nàng cung phi – điều chưa từng có trong Đế quốc Ottoman. Người ta cho rằng bà thông minh và học rộng hiểu





nhieu. Những lúc vua đi vắng, bà viết thư tường trình sự việc trong Constantinopel và cố vấn cho chồng trong những vấn đề về chính trị. Người ta cho rằng bà đã đứng sau việc giết chết tể tướng Ibrahim Pasa và người con trai đầu của vua là Mustafa, để giúp cho con trai mình nắm lấy quyền lực.

Chuyện về harem của Cung điện Topkapi đầy những tường thuật về ám sát, giành giật quyền lực và lạm dụng quyền hành như thế; harem, trong trung tâm quyền lực của một đế quốc khổng lồ, giống như một hang rắn.



Toàn cảnh Cung điện Topkapi từ trên cao

Năm 1909, khi những người của Phong trào Người Thổ trẻ chiếm cung điện và hạ bệ vua Thổ, họ đã treo cổ tổng thái giám ở cầu Galata và đã trả tự do cho tất cả các cung phi trong harem. Nhiều người đã trở về với gia đình, một vài người vào được tầng lớp cao nhất của xã hội. Và những người khác đi lang thang khắp nơi, xuất hiện trong những cuộc triển lãm cho người dân xem cái mà họ chưa từng được tận mắt nhìn thấy bao giờ: phụ nữ trong hậu cung của nhà vua.



Vừa uống trà vừa trả giá

3300 cửa hàng, 20.000 người buôn bán và nửa triệu khách mỗi ngày: Chợ Lớn trong thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ quả thật xứng đáng với tên của nó

Nếu như muốn trải nghiệm một thoáng lộng lẫy và thần bí của thời đã qua, người ta phải tự khẳng định mình trước hàng đoàn người buôn quà lưu niệm, túi xách và quần Jean. Phải làm ngơ trước những món hàng sáng ngời lóa mắt trong những cửa hàng chào mời với giá rẻ không biết bao nhiêu là vòng tay, dây chuyền và nhẫn đeo tay. Phải bước ngang qua những cửa hàng với hàng chồng thảm hay bình đồng, phải đi qua những chủ tiệm treo đá nửa quý thành từng dây màu xanh dương, xanh lá cây, tím trên tường.



Chợ Lớn của Istanbul có 3300 cửa hàng, 20.000 người buôn bán và nửa triệu khách mỗi ngày.

Nếu như cứ càng lúc càng đi sâu vào trong Chợ Lớn, sẽ đến được những góc nằm ẩn khuất và đến được những người vẫn còn tỏa sáng nét kỳ diệu mà người ta vẫn thường hay tưởng tượng từ một ngôi chợ Đông Phương, cách xa hàng hóa rẻ tiền cho khách du lịch và chào mời quá nồng nhiệt. Người ta có thể tìm thấy trong một sân trong nào đó, trên những sân thượng tạm bợ, những người bán hàng đang chăm chú chơi backgammon hay đang quay quần uống trà và tán chuyện. Và rồi nếu như bộc lộ sự lưu tâm thật tình đến một trong những món hàng của họ, thì người ta sẽ nhận được toàn bộ sự quan tâm và lòng hiếu khách của Đông Phương.

Một trong số những người bán hàng theo lối cổ truyền đó là Mura Bilir. Ở gian hàng bé tí hon của ông trong Eski Bedesten, gian chợ đầu tiên của Chợ Lớn, ông ấy ngồi sau cái bàn bày hàng và kiên nhẫn chờ khách. Chồng chất khắp chung quanh ông là những đĩa đồng, ấm đun trà Nga, chén bát rất nghệ thuật. "Tôi bán vật chứng không biết nói của quá khứ", người đàn ông mang quần áo rất thanh lịch nói về những món





hàng của ông ấy. Ông đã làm việc từ 47 năm nay trong Chợ Lớn. Người đàn ông 62 tuổi đau buồn khi thấy ngày càng nhiều cửa hàng khai trương bán trang sức rẻ tiền trong Eski Bedesten. Thủa xưa, ở đây người chỉ bán những vải vóc đẹp nhất và đồ vật đắt tiền nhất như lụa, vũ khí và đá quý.

Phần cốt lõi của Chợ Lớn, *Kapalıçarşı* trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, có nghĩa là "ngôi chợ có mái che", vẫn còn như thửa được thành lập cách đây nửa thiên niên kỷ: một mê hồn trận của những ngõ hẻm hẹp như tranh vẽ. Người ta ghét nó hay yêu nó, thấy nó đẹp quyến rũ hay xấu đáng ghét. "Không một người đang yêu nào có thể đi ngang qua ngôi chợ này mà không cảm thấy bất hạnh rằng mình không phải là nhà triệu phú", nhà văn người Ý Edmondo de Amicis đã viết như thế trong thế kỷ 19. Cũng như ông, nhiều du khách đã tôn sùng ngôi chợ của Istanbul qua nhiều thế kỷ, như một thành phố tối tăm bó ẩn đầy kỳ diệu, kho báu và hồi ức.



20.000 người kiếm sống ở đây

Vua Mehmet II cho xây gian chợ Eski Bedesten gần cung điện cũ sau khi chiếm cứ Constantinopel. Nhờ những cánh cổng sắt và những bức tường dày mà ngay đến các khách thương gia cũng nhờ những người buôn bán ở đây giữ tiền hộ: thửa xưa và cho đến gần đây, nó không chỉ là trung tâm buôn bán, mà còn là một cấu trúc không gian và xã hội trong bóng của ngôi nhà thờ đạo Hồi.

Chẳng bao lâu sau đó, người cai trị cho xây thêm một gian chợ thứ hai, rồi dần dần nhiều căn nhà gỗ và cửa hàng mọc lên bao quanh cả hai gian chợ. Qua nhiều thế kỷ, cái đền thờ của tiêu dùng này đã nhiều lần bị hỏa hoạn và động đất gây hư hại. Mãi đến cuối thế kỷ 19, Chợ Lớn mới đạt đến được kiến trúc ngày nay của nó: Với hơn 3300 gian hàng, hơn 60 đường phố, nhà kho, một bưu điện, ngân hàng, với nhà thờ, đài phun nước và nhà hàng, tổ hợp này là một thành phố trong thành phố. Ở đây có hơn 20.000 con người đang làm việc, ở đây là trái tim của thị trường vàng Thổ Nhĩ Kỳ và của thị trường ngoại tệ, của cái "sàn giao dịch có chân": Nó vẫn còn có tên là vậy,



vì tròn 40 người buôn ngoại tệ ngay trên đường phố vẫn còn mua bán tiền nước ngoài giống như ngày xưa họ đã làm một cách bí mật và bất hợp pháp.

Hằng ngày có tới nửa triệu du khách và người dân địa phương đổ vào qua hơn 20 cái cổng của tường thành cổ xưa. Nhà ván và chòi mới liên tục được xây thêm bất hợp pháp trên mái nhà và trên những sân trong. Cửa hàng được xây lại tùy thích, tường bị đục bỏ, để có thêm được một vài cm vuông diện tích bán hàng. Cơ quan hành chính Istanbul cũng góp phần làm cho ngôi Chợ Lớn ngày càng xiêu vẹo thêm: Trong những năm 1980, cơ quan nhà nước quy định phải thay thế lớp lót bằng chì trên mái nhà phải được thay thế bằng ngói. Từ đây rò rỉ xuất hiện ở đây đó, nước chảy xuống trên nhiều bức tường, các đường dây điện bị quá tải.

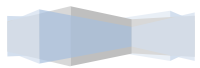
"Nếu xảy ra động đất thì tất cả sẽ đổ sập xuống", người buôn vải Aziz Özcan nói. Dường như không có ai cảm thấy mình có trách nhiệm cả. Một phần các cửa hàng thuộc về thành phố, một phần khác thuộc nhà nước và nhiều quỹ khác nhau, những cửa hàng khác thuộc sở hữu tư nhân. "Những người bán hàng trong chợ giống như một đàn cừu không có người chăn dắt", Süleyman Ertas của Liên hiệp Chợ Lớn nói và thêm vào: "Người ta thiếu can đảm để làm một việc gì đó." Gia đình ông bán vải vóc ở đây đã 6 đời – và việc kinh doanh của ông vẫn còn chưa biết khủng hoảng là gì.



"Sàn giao dịch có chân": tròn 40 người buôn bán ngoại tệ hoạt động trên đường phố

Nhiều người bán hàng ở đây không được tốt như thế. Giá cho thuê tăng, nhiều loại hàng hóa có nhiều hơn là người ta cần, cung nhiều hơn cầu, và hàng thủ công mất nhiều thời gian để sản xuất không còn mang lại lợi nhuận nữa. Nghệ nhân vá quần áo Altan Örne không nhìn thấy được một tương lai hồng. "Tôi không còn nhiều việc để làm nữa. Ai lại trả 10 đồng lira để tôi vá quần trong khi cả một bộ com lê có giá không nhiều hơn là bao nhiêu", ông già 72 tuổi than vãn.

Mehdi Çardak đã phải đóng xưởng dệt của ông ở tầng trên của Büyük Valide Han gần Chợ Lớn. Bây giờ ông đứng trong một gian phòng trống trải, ẩm ướt với một nụ cười





buồn về thuật lại lịch sử của công trình xây dựng: Vào thời Đế quốc Ottoman, đây là nơi dừng chân nghỉ ngơi lớn nhất cho các thương gia đi buôn bán khắp nơi. Người ngủ ở trên, phía dưới là lạc đà và ngựa.



Hàng thủ công đủ loại, vật để thờ cúng cầu nguyện, những thứ kỳ lạ, đồ cổ thật và không được thật cho lắm – có thể lựa chọn dường như vô hạn.

Phần lớn những ngôi nhà buôn bán trong khu phố Chợ Lớn, được gọi là *han*, đều đã xuống cấp trầm trọng – nhưng tuy vậy vẫn đáng công để đến khám phá chúng. Mehdi Çardak leo lên mái nhà trước. Tầm nhìn qua những ngõ hẻm rối rắm, đến vịnh Sừng Vàng và eo biển Bosporus quả thật là tuyệt đẹp. Vào lúc cầu nguyện, khi tiếng ca từ những ngôi nhà thờ đạo Hồi ở xung quanh tan biến đi trên những mái nhà, người ta cảm nhận được Istanbul với tất cả các giác quan từ ở trên này, hiểu thấu được toàn bộ quy mô của việc buôn bán nhộn nhịp trong khu phố quanh Chợ Lớn. Thống trị ở dưới đó, trong những con phố chật hẹp, là một sự vô cùng lộn xộn. Phụ vác hàng, công người vì vác nặng trên lưng, đang chậm chậm đi lên những con đường dốc đứng. Ô tô cố tìm cách mở đường đi trong cảnh chen lấn, có tiếng còi, la hét và chửi rủa.

Thật ra thì thành phố đã có kế hoạch phục hồi khu phố, muốn tống khứ những chiếc xe có quá nhiều, đóng cửa những cơ xưởng lộn xộn, thường được dựng lên một cách bất hợp pháp. Nhưng cho đến nay gần như chưa có một tuyên bố nào được thực hiện – và vì thế mà khu Chợ Lớn vẫn còn gần như toàn vẹn. Hàng mới và hàng cũ trong sự đa dạng của người buôn bán ở Chợ Lớn giữ thế cân bằng, thế nhưng kiến trúc và truyền thống mất đi mỗi ngày một ít. Những người đúc nồi nấu bằng đồng hay làm giá để nền trở thành những vật trôi dạt trong làn sóng thương mại toàn cầu.

"Kapali Çarsi đã có từ 550 năm nay rồi. Nhưng mà chúng tôi vẫn phá hủy nó được", Süleyman Ertas bức xúc- Hy vọng của ông là người con gái 26 tuổi. "Phụ nữ làm mọi việc đều tốt hơn. Với bộ óc già nua của chúng tôi thì không thể làm được. Phải có một thế hệ mới." Người đàn ông 50 tuổi thờ dài – và rồi kiên nhẫn ngồi chờ khách hàng.



Thụy Điển

Stockholm: thành phố đảo ở tận cùng của thế giới

Nếu như tôi gặp may thì viên phi công sẽ chọn đường bay qua khu phố cổ.

Tôi đặt tay lên mắt như một cái ống nhòm và áp mặt vào cửa sổ máy bay, tìm đập thành thịch, tôi cố thở thật nhẹ để kính cửa sổ máy bay không bị mờ đi.

Đó có phải là E4, con đường dẫn đến Södertälje với những dòng xe bé nhỏ như đồ chơi hay không? Và bây giờ đã nhìn rõ được chiếc phà Waxholm màu trắng trong "cái bồn tắm" của Salsjön, đang trên đường ra những hòn đảo nhỏ. Đây là lâu đài hoàng gia, những tấm thảm xanh của công viên Djurgården và ở đằng kia là những khu phố bê tông khổng lồ của Järnafältet. Từ trên cao, Stockholm trông giống như có thể nắm lấy được, rất đơn giản và rất thân mật, thành phố của riêng tôi, nơi chốn của tôi trong thế giới.



Stockholm, thành phố trên các hòn đảo.

Stockholm nằm ở tận cùng của thế giới, giống như một cái then cửa ở giữa hồ Mälaren và biển Baltic, như một trái tim đang đập trước ánh sáng và sự sống trong đêm địa cực. Dù ở nơi đâu, cảm giác này đều chiếm lĩnh tôi khi đang trở về quê nhà: Thành phố bị bỏ rơi như thế. Rất đẹp, rất cô đơn và cách biệt. Thành phố đã được con người chúng tôi tạo hình dáng như vậy đấy, những người sống bên trong bức tường thành của nó từ 750 năm nay, và ngược lại thành phố cũng đã định hình cho chúng tôi: Chúng tôi suy nghĩ ra sao, hành động ra sao, chúng tôi làm gì và chúng tôi sản xuất những gì. Thiết kế, âm nhạc, nghệ thuật và văn học – giữa thành phố và sức sáng tạo của con người luôn có sự cho và nhận không ngừng nghỉ.

Kiến trúc đơn điệu của các khu phố ngoại ô với những tòa nhà công nghiệp xấu xí lướt qua cửa sổ của Arlanda Express, chuyến tàu nhanh từ cảng hàng không về nhà ga chính. Sự cố nhỏ, người Thụy Điển chúng tôi nghĩ như thế và hài lòng chấp tay trước bụng.





Tôi bỏ lại phía sau sự hồi hả của nhà ga chính. Nhìn thoáng qua, Stockholm trông giống như những thành phố cổ kính khác trong châu Âu. Những con đường lát đá tảng trong khu phố Gamla Stan thời Trung cổ. Những đài phun nước trong công viên Kungsträdgården đầy bóng mát. Những bức tượng mạ vàng và hàng cột lộng lẫy trước Nhà hát Hoàng gia. Nhưng bề ngoài đánh lừa. Ở đây có một cái gì đó cứng rắn, dường như không hài hòa, một cái gì đó buồn rầu và mơ hồ, làm cho Stockholm khác biệt với những chị em lớn hơn trên lục địa châu Âu.



Khu phố cổ Gamla Stan.

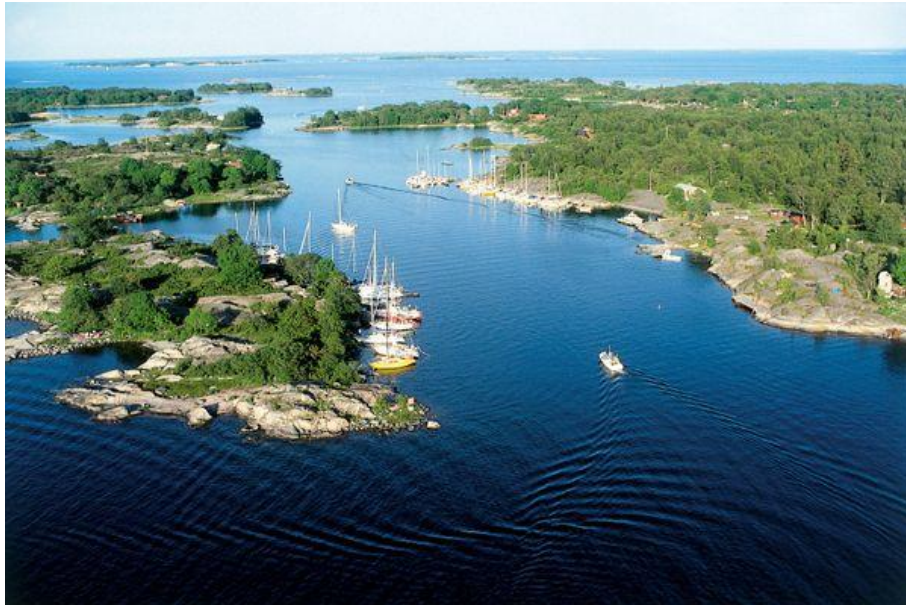
Có lẽ đó chính là nước. Nước ở đây có màu tối hơn những nơi khác. Tôi không biết tại sao. Nó không bao giờ có màu xanh. Nó có màu xám của than chì, vàng nhạt, xanh ô liu, nhưng không bao giờ có màu xanh trong như ở những thành phố bình thường khác. Nước bao quanh con người ở khắp mọi nơi trong Stockholm. Nước đập âm âm, nổi tăm, gợn sóng và tạo xoáy trong những dòng chảy, của kết nối ngắn ngủi giữa hồ Mälaren và biển Baltic, như một đám học trò đang trong giờ ra chơi, để rồi chảy êm đềm và thông thả hòa nhập vào vịnh Saltsjön, một cách rất trang nghiêm.

Cũng có thể tại vì khí hậu. Mùa đông thường tối tăm, lạnh lẽo và ẩm ướt. Trong những giờ ngắn ngủi của ban ngày, khi Mặt Trời kéo lê thân mình trên chân trời, cành cây trơ trụi vươn lên bầu trời lúc nào cũng xám màu chì như những thanh cây bị bẻ cong. Mặt tiền màu đất của những căn nhà chìm vào trong nền phía sau.

Hình dạng đường sá biến mất dưới lớp tuyết không hình thù đang tan chảy vì muối và bụi bẩn. Ngày mùa hè dài vô tận, nhưng những ngày nóng ẩm lại ít đến mức gần như không có. Khí hậu Thụy Điển hiếm khi mời đi picnic.



Stockholm được tạo hình bởi điều kiện sống rất khắc nghiệt của chúng tôi. Thành phố trên các hòn đảo có từ giữa thế kỷ 13, lần đầu tiên được nhắc đến trong 2 văn kiện bằng tiếng La tinh vào mùa hè năm 1252. Thời đấy nó chỉ là một pháo đài bằng gỗ. Nhưng vì người ta khai thác đồng và sắt trong những hầm mỏ ở trên núi nên Stockholm trở nên cần thiết. Người ta cần thành phố để làm cảng xuất khẩu và làm nơi buôn bán. Và các chính trị gia cần một cái chòi cao. Ngày nay Stockholm lan rộng trên 14 đảo, được kết nối với nhau bằng 57 chiếc cầu.



Đảo nhỏ trước Stockholm.

Cứ mỗi lần thành phố được mở rộng là viễn tưởng lại to lớn hơn khả năng biến những ý tưởng này trở thành hiện thực. Sống rải rác trên một vùng đất khô cằn và không mền khách có diện tích lớn hơn nước Đức, Bỉ và Hà Lan cộng lại, người dân Thụy Điển không có thiên tài kiến lập dinh thự hay xây cầu. Giải pháp được mang từ bên ngoài vào, đặc biệt là từ Đức.

Trải qua nhiều thế kỷ, người Đức chính là dân tộc mang lại nhiều ý tưởng cho chúng tôi nhất. Lâu đài Stockholm được phác thảo bởi Nicodemus Tessin Trẻ, sinh ra tại Thụy Điển có bố mẹ từ thành phố Stralsund. Ông học trường Đức tại Stockholm và sau đó học về kiến trúc ở dưới châu Âu. (Chính tôi cũng viết những quyển tiểu thuyết trong phòng làm việc trên đường Tyska Brinken, "Gò Đức", và cửa sổ nhìn ra Tyska kyrkan, Nhà thờ Đức.) Thành phố bằng đá ngày hôm nay, nội thành cổ trong mắt của chúng tôi, được xây dựng trong thế kỷ 19 và thế kỷ 20 theo gương mẫu Berlin.

Nước Đức, nhưng không hoàn toàn Đức. Hoài bão châu Âu lục địa, nhưng không hoàn toàn thành công. Thụy Điển quá cứng rắn, quá nhỏ, quá lạnh. Stockholm trở thành một người em gái bé nhỏ khép kín ở cuối đường, và một thành phố lớn có phong cách rất riêng biệt thành hình từ mâu thuẫn của mong muốn và không có khả năng thực sự.

Có rất ít căn nhà thật sự lộng lẫy ở Stockholm.

Trung tâm lâu đời nhất, nằm trên đảo Stadsholmen và ngày nay mang cái tên không mấy gì đáng ngạc nhiên "Gamla Stan", phố cổ, vẫn còn hé lộ một phần lớn của bản đồ





thành phố thời Trung cổ với những ngõ hẻm chật hẹp quanh co, những dãy nhà hẹp và dài, cầu thang bằng đá đã mòn và nhà thờ vươn lên cao.

Nhiều tên đường phố cũng bắt nguồn từ thời Trung cổ: Köpmangatan (đường Thương gia) và Skomakargatan (đường Thợ giày) từ thế kỷ 14, Slottbacken (đốc Lâu đài), Järntorget (Quảng trường Sắt), Kåkbrinken (Gò Gông cổ) và những đường khác từ thế kỷ 15. Nhà ở chật hẹp, có ít cửa sổ nhỏ nhưng lại có nhiều song. Phố xá tối tăm. Không một sàn nhà nào bằng phẳng.

Một nhà của tôi ở đây, nhà làm việc. Tôi ngồi dưới những thanh đá của mái nhà trong Tyska Brinken và nhìn ra thành phố bằng đá chung quanh tôi đang trải rộng ra trên các hòn đảo. Nhiều người khác đã ngồi ở đây qua các thế kỷ. Trước đây 300 năm, một người khác đã có thể nhìn thấy nhà cửa được xây vượt qua bờ đê của Stadsholmen, chầm chập xuyên qua nước màu tối sẫm đến những làng mạc quanh hiiu.



"...những ngõ hẻm chật chội quanh co..."

Trước đây 150 năm, một người khác có thể nhìn thấy những nhà quy hoạch thành phố bắt đầu khởi công kiến tạo một thành phố lớn. Rồi họ có thể quan sát một cái hoàn toàn mới: Ánh sáng Mặt Trời phản chiếu trên những cửa sổ bằng kính lớn có hình vòm. Những người thợ thủy tinh đã phát triển nghệ thuật sản xuất mảnh kính lớn từ thủy tinh mỏng, làn da từ những làn sóng trong suốt, để cho Mặt Trời và ánh sáng nhảy múa trong những phòng khách đơn sơ của Stockholm.

Đi trên đường phố hướng về nội thành, tôi thường hay gặp nhiều căn nhà có cửa sổ lớn, chúng bao quanh tôi và dẫn tôi tiếp tục đi. Chúng đã sống sót qua được phong cách kiến trúc Bauhaus và Hiện đại và bây giờ đang trên đường đi đến một tuổi thọ an toàn. Lột vỏ và lấy đi là mục đích của kiến trúc Thụy Điển và thiết kế Thụy Điển từ những năm 1930.

Mặt ngoài tương đối đơn sơ từ thế kỷ 19 trong nội thành Stockholm cũng không thoát khỏi được nổi hạo hức chính trị thời đấy, biến tất cả trở thành đơn giản và thực dụng. Trang trí khắc khổ của chúng đã bị đục bỏ, thanh trang trí bị sơn lấp lên.

Lò sưởi lát men trong nhà bị phá bỏ (chúng lỗi thời), căn hộ rộng lớn được chia nhỏ cho nhiều hộ gia đình (công bằng hơn) và trần nhà được hạ thấp xuống (tiết kiệm tiền sưởi ấm).



Ngày nay, những can thiệp đó chỉ còn tồn tại trong ký ức. Những ngôi nhà bằng đá của thành phố được đối xử với sự tôn trọng dành cho những người trăm tuổi. Khi tôi đi trên các tam giác trắng đen khổng lồ của Sergels Torg, tôi hiểu tại sao.

Trong Đệ nhị thế chiến nhiều thành phố châu Âu khác bị dội bom, ở Thụy Điển – trên mảnh đất mà chiến tranh xảy ra lần cuối năm 1809 – chúng tôi muốn tự mình làm việc này. Chúng tôi đã giật sập gần như toàn bộ nội thành Stockholm, để tạo chỗ trống cho tương lai. Dinh thự phô trương của thế kỷ 17 trên Brunkebergstorg hãy cút đi! Khu phố Klara với những con phố chật hẹp và căn nhà mang bệnh phổi hãy cút đi. Hãy về đây hời ánh sáng và không khí, kính và bê tông, nhà đỗ xe và dinh thự ngân hàng và những nơi hội họp thoáng đãng to lớn!



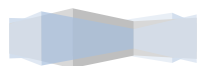
Lâu đài Hoàng gia.

Kết quả, Stockholm của ngày hôm nay, là kết hợp từ những thế hệ trước đây, từ nỗi sợ hãi và niềm tin vào tương lai của họ, từ tham vọng của những chính trị gia và từ cách con người đối xử với những cái đó. Nó hoàn toàn và sạch và đẹp. Đường sá thẳng tắp, được dọn sạch, nhộn nhịp. Có cá bơi lội trong nước. Không khí trong lành.

Khi muốn mua sắm tôi hay đến Biblioteksgata, con đường tôi thích nhất, và tìm một bộ y phục Ý và một chiếc váy Thụy Điển bằng vải lanh trước khi đi uống trà xanh và ăn bánh mì với thịt cua của đảo Smögen. Tôi thật sự chỉ có thể mua được váy ở đây. Tôi cao 1m82 và mang quần áo số 38. Váy ở khắp nơi khác trên thế giới đều có vẻ kỳ lạ trên người tôi, nhưng ở đây chúng rất phù hợp với tôi. (Dài, nhợt nhạt, lạnh lùng mình, chúng tôi là như vậy, chính xác như những đêm mùa hè của chúng tôi.)

Tôi đi ngang qua Viện bảo tàng thành phố và Viện bảo tàng Địa Trung Hải và Viện bảo tàng Hallwylska (Với trên 70 cơ sở như vậy Stockholm thuộc trong số những nơi có mật độ viện bảo tàng lớn nhất), và tôi vui mừng vì chúng tôi đã học được cách bảo tồn, không chỉ là thay đổi.

Rồi tôi đi tàu điện ngầm về nhà ở ngoại ô thành phố. Không lâu lắm. Stockholm không phải là một thành phố lớn.





Chỉ sau 10 phút tôi đã ra khỏi đường hầm dưới những căn nhà bằng đá. Con tàu kêu vang khi vượt ra ngoài giữa những cây thông, và những viễn tưởng của các chính trị gia cũng như sự thất bại của họ vươn lên từ mặt đất chung quanh tôi. Ở đây là Vällingby, viễn tưởng hiện đại của lao động, nhà ở và trung tâm.



Nhà hòa nhạc Globe Arena.

Con người cần nên sinh sống mãi mãi ở đây, không phải rời bỏ khu phố ngoại ô của họ. Tất cả mọi trang sức không cần thiết cần phải biến mất, ở đây cần phải được cạo bỏ và quét tước cho thật sạch. Không được hoàn toàn như vậy nhưng cũng rất tốt.

Ở đây có Tensta, Hjulsta, Rinkeby và Skärholmen, những khu phố tạo nên một phần của chương trình bạc triệu, của tham vọng chính trị xóa bỏ nghèo và tình trạng thiếu nhà nhờ vào những tòa nhà cao tầng không lồ cách xa trung tâm thành phố. Cũng không được hoàn toàn như vậy, nhưng các khu phố ngoại ô đang sống động. Chúng có âm nhạc riêng, văn hóa, hương thơm và màu sắc riêng biệt. Tôi thích đến đây, thích nhất là Bredäng.

Nhưng hôm nay tôi dừng lại trước căn nhà bằng gạch nung xinh đẹp từ năm 1958 của tôi. Nó nằm ngay trước Hồ Mälars, trên một con đường chật hẹp và không thực tế (một trong số ít những con đường không do giới chính trị gia quy hoạch mà được tạo thành từ những người muốn đi tới). Và bây giờ, cuối cùng là tôi cũng về nhà.

Stockholm riêng của tôi nằm ở tận cùng của thế giới.

Liza Marklund / Phan Ba dịch



Thụy Sĩ

Lugano: Chào người đẹp!

"Khi lại nhìn thấy vùng đất được ban phúc lành ở chân núi nam của dãy Alps, tôi có cảm giác như đang trở về nhà từ một chuyến đi đày", nhà văn Hermann Hesse đã từng ca ngợi quê hương thứ hai của ông như vậy. Nhiều thập kỷ đã trôi qua kể từ khi người nhận Giải Nobel văn học viết những dòng chữ này tại làng Montagnola ở phía trên thành phố Lugano, nhưng thành phố không hề mất đi một tí nào sức quyến rũ của nó.



Toàn cảnh Lugano và ngọn San Salvatore. Ảnh: TMN.

Nhờ có khí hậu Địa Trung Hải ấm áp, vị trí đẹp như mơ giữa 2 ngọn núi Monte Brè và Monte San Salvatore cao hơn 900 m nằm cạnh hồ, bầu không khí mang đậm nét Ý cộng với trật tự và sạch sẽ của Thụy Sĩ, Lugano thu hút du khách từ phía bắc của dãy núi Alps như một nam châm.

"Suy nghĩ và lo âu dường như đã nằm lại phía bên khi của dãy núi phủ tuyết", nhà văn Hermann Hesse ghi lại sau khi đến Lugano của Thụy Sĩ. Và thật sự là cuộc sống ở Lugano dường như nhẹ nhàng hơn, một ngày bình thường dường như vui vẻ hơn và tươi sáng hơn. Nhân viên ngân hàng mang bộ com lê sang trọng ngồi trên chiếc Vespa không hề há chạy đến văn phòng mà vẫn còn kịp gọi với theo một bóng hồng "Ciao Bella!" ("Chào người đẹp!") trước khi tiếp tục chạy lạch cạch trên con đường cạnh bờ hồ. Người đẹp mỉm cười sau chiếc kính râm rồi biến mất trong những dãy cuốn của "Centro Storico".

Ở đó, trên con đường mang tên Via Nasa, nhiều cửa hàng quần áo và nữ trang sang trọng nằm cạnh nhau như một chuỗi ngọc. Trang sức được chào mời ở đây có giá đến vài trăm nghìn euro. Mặc dù vậy vẫn có người mua. Lugano là một thành phố giàu – do du lịch đã phát triển từ hàng chục năm nay và cũng vì Lugano là "ngân hàng" lớn thứ ba trong Thụy Sĩ. Giới giàu có từ Ý thường hay mang tiền triệu sang đây để gửi.

"Grand Hotel" cổ xưa cạnh chân núi của Monte Brè trông có vẻ như xuất phát từ một câu chuyện kể của Hermann Hesse. Ngày xưa là dinh thự mùa hè của một gia đình





quý tộc người Nga, khách sạn sang trọng ngày nay là điểm gặp gỡ của giới thượng lưu.

Người ta cũng thường hẹn nhau uống cà phê vào buổi trưa trước Tòa đô chính có mặt tiền theo kiểu Phục Hưng hay uống một ly rượu vang Merlot của Lugano vào buổi tối. Người dân thành phố bàn tán về đội khúc côn cầu trên băng của thành phố và khách du lịch thì lên kế hoạch cho ngày mai: Đi tàu hỏa bánh răng cưa lên núi hay đi du thuyền trên hồ.



Trong trung tâm của Lugano.

Thuyền rời bến chính tại Lugano đến làng Morcoter đẹp như tranh vẽ đang bám trên sườn của Monte Arbostora. Cũng có thể vào sông bạc Campione d'Italia hay đi chợ trong Porlezza ở bên bờ hồ thuộc Ý và đến thăm 2 ngôi làng Ponte Tresa nằm sát cạnh nhau, một thuộc Ý, một thuộc Thụy Sĩ.

Về lại Lugano, du khách sẽ đến thăm Bảo tàng Hermann Hesse trong ngôi nhà ngày xưa của nhà văn tại Montagnola rồi lang thang trên đường phố Lugano, nơi kiến trúc sư nổi tiếng Mario Botta đã trở thành bất tử với tòa nhà đồ sộ "Banca del Gottardo". Cũng đáng đến tham quan là Nhà thờ Lớn Lugano, được nhắc đến lần đầu tiên trong văn kiện từ năm 875, với mặt tiền thời Phục Hưng được hoàn tất năm 1517. Điểm nghỉ chân lý tưởng sau chuyến đi dạo có thể là công viên có tên Parco civico.



Ý

Hồ Como: Lối vào Ý đẹp nhất

Hồ Como thay đổi vẻ đẹp tùy theo thời tiết. Khi trời u ám, hồ mang vẻ buồn bã. Nhưng nơi đây thường có ánh nắng và những ngôi biệt thự lộng lẫy lại sáng ngời tuyệt đẹp cạnh bờ hồ.

Ngay từ xưa Hồ Como ở miền bắc nước Ý gần biên giới Thụy Sĩ đã được nhiều người yêu thích. Người Hy Lạp cũng như người La Mã đều bị cảnh đẹp ở đây quyến rũ. Đã có không biết bao nhiêu lời ca tụng về đẹp của hồ, thí dụ như của nhà thơ La Mã Vergil (70 TCN-19 TCN).

Nhà soạn nhạc Franz Liszt (1811-1886), người đã sống một thời gian trong làng Bellagio ở cạnh hồ, đã nghe không biết chán "tiếng thì thầm buồn bã của những làn sóng" và ngợi ca "màu sắc huyền diệu" vào lúc hoàng hôn.



... "tiếng thì thầm buồn bã của những làn sóng" và "màu sắc huyền diệu" vào lúc hoàng hôn.

Nhiều nhân vật nổi tiếng khác cũng đã bị nét đẹp của Hồ Como chinh phục, từ các nhà văn người Pháp Stendhal và Flaubert qua thủ tướng Churchill và tổng thống Kennedy cho đến các doanh nhân Versace và Benetton. Konrad Adenauer, thủ tướng đầu tiên của Cộng hòa Liên bang Đức, đã nghỉ hè ở đây tổng cộng 18 lần.

Làng Bellagio nổi tiếng thế giới được xem là "hòn ngọc của Hồ Como". Làng nằm trên mũi đất tận cùng của bán đảo chia phần phía nam của hồ ra thành 2 nhánh, tạo cho hồ có hình dáng như chữ Y lộn ngược.

Viên quanh bờ hồ là nhiều khách sạn sang trọng và quán cà phê xinh đẹp. Nhưng Bellagio cũng mang nhiều nét của một thành phố nhỏ thời Trung cổ với nhiều ngõ





hẻm chật chội và cầu thang bằng đá. Khắp mọi nơi là những cửa hàng bé tí, quán trọ dẫu mình trong nhà cổ và trên quảng trường nhỏ có tên Piazza Mazzini cạnh bờ hồ bao giờ cũng tập nập khách du lịch.

Khí hậu của Bellagio ấm áp đến mức ở đây có nhiều cây vùng nhiệt đới. Rất đáng đến xem là vườn hoa của biệt thự Melzi, một ốc đảo yên bình. Biệt thự thuộc sở hữu tư nhân nên không thể vào bên trong để tham quan được, nhưng bù vào đó có một viện bảo tàng nhỏ trong vườn cam.



Làng Bellagio, "hòn ngọc của Hồ Como"

Đứng từ mỏm đất ngoài cùng, người du khách có cảm giác như Hồ Como đang bao bọc khắp chung quanh và không nơi nào khác mà nét đẹp của Hồ Como lại đây ấn tượng như ở đây: nước trong xanh hiền hòa cạnh núi đồi hùng vĩ.

Ở bờ đối diện gần làng Tremezzo có một biệt thự nhỏ giống như lâu đài trong truyện cổ tích. Đó là biệt thự Carlotta do một người dân Milan giàu có cho xây năm 1747. Sau đây Bá tước Gian Battista Sommariva đã mua lại ngôi biệt thự và cho xây cải tạo. Mọi thứ phải đẹp hơn, rộng rãi hơn ngôi Biệt thự Melzi. Năm 1856 Công chúa Marianne của Phổ mua lại ngôi biệt thự và tặng cho con gái là Charlotte của Sachsen-Meiningen để làm quà cưới. Từ đó biệt thự có tên là Villa Carlotta. Chỉ riêng vườn hoa với nhiều loài cây lạ đã đáng để cho du khách bỏ thời gian để đến chiêm ngưỡng và phong cảnh Hồ Como nhìn từ đây cũng quả thật là tuyệt đẹp.

Con đường chạy dọc theo bờ hồ dẫn đến thành phố Como, trung tâm lịch sử, văn hóa và thương mại của vùng. Nhìn toàn cảnh Como đẹp nhất là từ làng Brunate, chỉ trong vòng 5 phút chiếc tàu hỏa có bánh răng cưa sẽ mang du khách đến điểm ngắm cảnh cao 716 m. Tít ở phía dưới là tháp của ngôi nhà thờ, nhiều ngôi biệt thự màu trắng khoe vẻ đẹp ở bờ đối diện và đỉnh núi phủ tuyết của dãy núi Alps gửi lời chào từ phía xa xa.



Bờ đông của Hồ Como mang vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ với nhiều làng xinh xắn. Thí dụ như Varenna, được xem là một trong những làng đẹp nhất ở Como. Ngôi làng 800 chỉ có người dân bám vào sườn núi dốc đứng giống như một tổ chim ó, nhiều ngôi nhà trông có vẻ như đã được xây vào trong núi đá.

Điểm thu hút du khách nổi tiếng nhất trong Varenna là biệt thự Monastero. Villa Monastero nguyên là tu viện của một dòng nữ tu. Năm 1569 gia đình Mornico mua lại mảnh đất này sau khi tu viện đóng cửa năm 1567. Lelio Mornico cho phục hồi và xây cải tạo, biến tu viện trở thành một ngôi biệt thự đồ sộ. Vườn hoa nổi tiếng được kiến tạo vào cuối thế kỷ 19. Với thời gian, ngôi biệt thự đổi chủ nhiều lần và cuối cùng đến năm 1925 thuộc về nhà nước Ý. Từ năm 1997 biệt thự với vườn hoa rộng lớn trở thành một trụ sở của Hội đồng nghiên cứu quốc gia (Consiglio Nazionale delle Ricerche).



Biệt thự Monastero

Từ Varenna nếu bỏ công khó nhọc leo lên đến Thành Vezio được xây trong thế kỷ 13 trên núi, du khách sẽ được đền bù với tầm nhìn toàn cảnh Hồ Como tuyệt đẹp và và hiểu rằng tại sao nhà văn người Đức Hermann Hesse đã gọi hồ này là "lối vào Ý đẹp nhất".





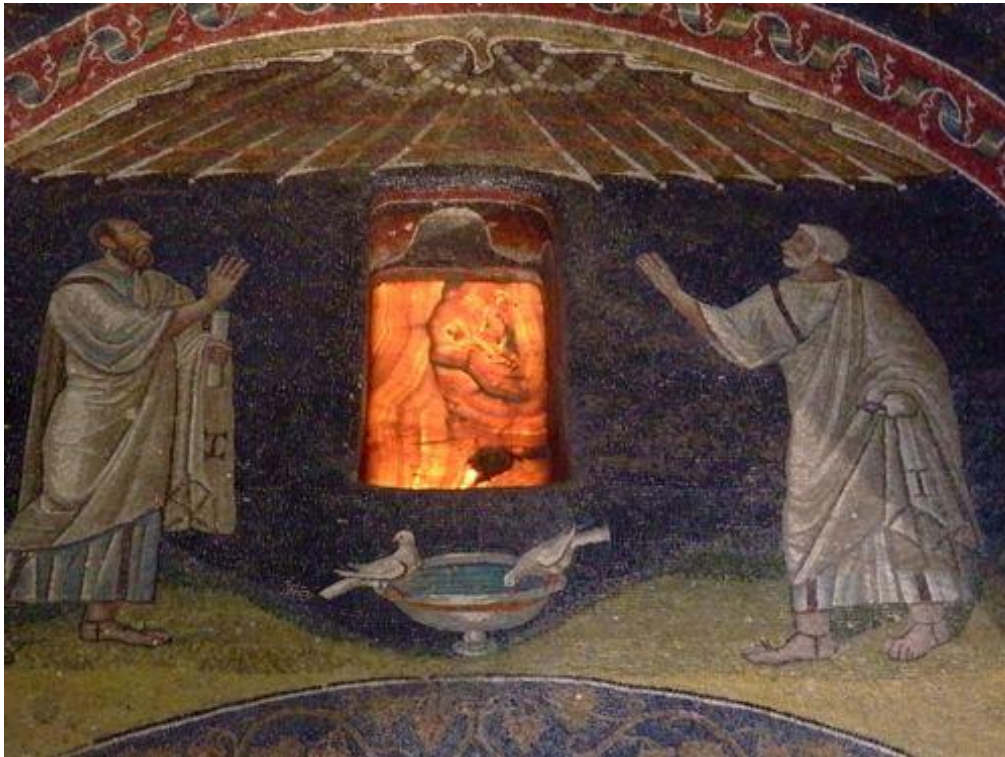
Tranh khảm Byzantine ở Ravenna

"Ai đến Ravenna và nhìn ngắm những công trình kỷ niệm của thời xưa cũ đây, lăng mộ của thế kỷ thứ năm và thứ sáu, nhà thờ lộng lẫy với những tranh khảm từ cùng thời gian đó, sẽ có ấn tượng sâu sắc với chúng như với những gì còn lại của thành Pompeji. Và thật sự là như thế, Ravenna là Pompeji của thời Gothic và Byzantine."

Nếu chỉ nhìn thoáng qua thì khó có thể mà thông hiểu được những lời ca ngợi của nhà sử học vĩ đại Ferdinand Gregorovius từ năm 1863. Ravenna, nơi mà vào một thời kỳ sống gió đã từng là nơi cai trị cả Phương Tây, sống nhờ vào công nghiệp, chứ không phải vào du lịch.

Lăng mộ được xây vào khoảng năm 440 của Aelia Galla Placidia, mẹ của Hoàng đế Valentinianus III, trông giống như một ngôi nhà kho được lợp ngói. Nhưng có lẽ chính bề ngoài tầm thường đây đã cứu thoát công trình xây dựng này, vì các dinh thự của Hoàng đế Honorius và Hoàng đế Valentinianus III đã biến mất từ lâu. Nhưng Galla Placidia, hoàng hậu nhiếp chính của Đế quốc Tây La Mã, lại không nằm trong chiếc quách nào của ba chiếc quách trong lăng – bà ấy qua đời ở Roma và cũng được chôn cất ở đây.

Ánh sáng vàng chiếu xuyên qua những tấm thạch cao tuyết hoa của các cửa sổ nhỏ trong lăng mộ. Các tấm tranh khảm, một phối hợp hài hòa từ màu xanh Indigo và xanh da trời với những dấu chấm màu đỏ, xanh lá cây và vàng, mang lại cho gian phòng nhỏ một bầu không khí huyền diệu.



Tranh khảm trong lăng của Galla Placidia

Lăng mộ Galla Placidia là di sản cuối cùng của thời Cổ Đại. Năm 493, vua người Goth Theodoric chiếm Ravenna và từ ở đây đã cai trị nước Ý 26 năm trời. Lăng mộ



của Theodoric nằm ở ngoài thành phố, trên một bệ mười góc là một gian phòng hình tròn mà chiếc quách bằng đá porphyry đỏ của Theodoric được đặt ở trong đó. Mái vòm ở phía trên được đeo từ một tảng đá duy nhất.



Tranh khảm trong nhà thờ Sant' Apollinare Nuovo

Hài cốt của Theodoric chẳng bao lâu sau đó đã bị gió thổi đi khắp bốn phương trời, và sau khi chiếm được Ravenna, Hoàng đế Justinian đã cho người phá hủy tất cả những tấm tranh của kẻ cai trị người Goth. Người ta còn lấy đi tất cả các trang trí "dị giáo" trong nhà thờ của Theodoric, cái từ thế kỷ thứ 9 có tên là Sant'Appollinare Nuovo. Trên tường bên trái của gian giữa là tranh khảm Byzantine với Ba Vua Thánh và một cảnh của thành phố cảng Classis thời Cổ đại: mô tả lâu đời nhất về một thành phố cụ thể, nếu như người ta loại trừ những bức tranh đã được lý tưởng hóa của Jerusalem và Bethlehem.

Cảng Classis do Hoàng đế Augustus thành lập nằm ở ngoài ô thành phố Ravenna ngày nay, và ở đây vẫn còn có một ngôi nhà thờ, nhà thờ Sant'Appollinare ở Classe. Mười hai cây cột của ba gian ở bên trong là bằng đá hoa cương trắng, xuất phát từ Constantinople. Toàn bộ nửa mái vòm của hậu cung đều được khảm tranh trong thế kỷ thứ 6. Các bức tranh khảm còn lại trẻ hơn một vài thế kỷ.

Ngôi nhà thờ quan trọng nhất của Ravenna là San Vitale, được tranh trí hết sức lộng lẫy dưới thời của Hoàng đế Justinian. Có nhiều thứ bắt nguồn từ thời Phục Hưng và Baroque, nhưng các bức tranh khảm ở mái vòm và bán cầu của hậu cung chỉ trẻ hơn những viên đá nhiều màu trong lăng mộ Galla Placidia có một trăm năm. Nổi tiếng là những bức tranh khảm hoàng đế ở phía dưới: bên trái là Hoàng đế Justinian với tùy tùng, bên phải là Hoàng hậu Theodora với các tì nữ. Nếu như tin vào người viết sử Prokop, Theodora trẻ tuổi đã kiếm sống như là diễn viên, điều theo quan niệm của cuối thời Cổ đại cũng giống như là đi bán dâm. Quả thật là một sự nghiệp bất ngờ!





Trieste: Di sản của Vương triều Habsburg

Đi dạo dọc theo cảng biển vào lúc hoàng hôn, lang thang trong khu phố cổ, lục lọi trong 60 (!) cửa hàng bán đồ cổ, mua sắm trong những cửa hiệu sang trọng quanh đường Corso Italia hay trên những con đường song song với Canal Grande (Kênh Lớn) và nghỉ chân trong những quán cà phê nổi tiếng. Thí dụ như quán "Pirona", nơi James Joyce đã từng ngồi uống cà phê và nghĩ về quyển tiểu thuyết "Ulysses" của ông ấy.



Kênh Lớn của Triest

Hãy thông thả chiêm lĩnh thành phố Trieste của Ý cạnh biên giới với Slovenia. Lâu đài, nhà hát, viện bảo tàng, sàn chứng khoán, nhà hát opera – có rất nhiều điểm để khám phá. Nhưng có một điều mà người khách phương xa sẽ nhận thấy ngay lập tức: kiến trúc và bầu không khí – tất cả những cái đó hơi khác với nước Ý còn lại một ít. Trieste mang rất nhiều nét của Trung Âu và nếu muốn hiểu thành phố này thì phải tìm hiểu một ít về lịch sử của nó.

Trieste là một nơi chung sống hòa hợp của nhiều dân tộc: Không chỉ người Ý mà người láng giềng Xlavơ và người Do Thái cũng đã có nhiều ảnh hưởng và cùng tạo nên một nền văn hóa phong phú. Nhưng có ảnh hưởng lớn nhất lại là người Áo. Thị trấn nhỏ bé cạnh bờ biển Adriatic đã nằm dưới sự bảo vệ của họ nhiều thế kỷ liền. Với thời gian, Trieste trở thành cảng chiến lược quan trọng của Vương triều Habsburg.

Mãi đến năm 1919 – sau khi Đệ nhất thế chiến chấm dứt, Trieste với đa số dân cư là người Ý mới thuộc về nước Ý. Đó là một thời kỳ chuyển đổi đầy biến động nhưng đồng thời cũng là một thời kỳ nở rộ của văn hóa. Trong các thập niên trước và sau 1900, các nhà văn nổi tiếng người Ý Italo Svevo và Umberto Saba đã sống và sáng tác



tại Trieste. Nhiều thi sĩ nước ngoài cũng đến đây: nhà thơ Ireland James Joyce và người Anh Richard Francis Burton, các nhà thơ người Đức Rainer Maria Rilke, Hugo von Hofmannsthal và nhiều người khác nữa.

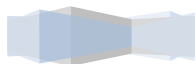
Xưa cũng như nay, trái tim của thành phố vẫn là quảng trường rộng được cho là rộng lớn nhất trong nước Ý mà từ 90 năm nay có tên là "Piazza dell' Unità d'Italia", Quảng trường thống nhất Ý. Nhiều ngôi nhà lộng lẫy viền quanh 3 mặt của quảng trường hình chữ nhật, mặt còn lại mở rộng ra biển đầy ấn tượng. Ở mặt nhìn ra biển của quảng trường là Palazzo del Municipio tức Tòa đô chính của Trieste, được xây từ năm 1872 với phong cách kiến trúc pha trộn giữa Phục Hưng Ý và Phục Hưng Pháp.



Piazza dell' Unità d'Italia

Quán cà phê lâu đời nhất của thành phố sẽ làm cho du khách nhớ đến Wien: "Caffè Tommaseo" chỉ cách quảng trường chưa đến 100 m được khai trương năm 1830. Quán "Caffè degli Specchi" ngay trên quảng trường cũng gợi nhớ đến những quán cà phê huyền thoại của Wien, tuy rằng từ sau lần tu bổ năm 1969 "Caffè degli Specchi" đã mất đi một ít nét quyến rũ.

Từ đây, người ta chỉ cần băng qua con đường "Punta del Forno" là đến một trong các khu phố cổ kính nhất của thành phố. Ngày nay, tên của những con đường chật hẹp vẫn còn hé lộ cho du khách biết được các cửa hàng bé nhỏ ở đây đã bán những gì ngày xưa: muối, dầu ăn và cá. Rất đáng tiếc, một phần lớn những con đường chật chội nhỏ bé này đã bị giạt sập để khai quật di tích người La Mã ngày xưa. Nhưng cũng nhờ vào những lần khai quật đất mà người ta đã phát hiện được một đấu trường La Mã từ thế kỷ 1 dưới chân đồi San Giusto của thành phố.





Nếu muốn tham quan các minh chứng bằng đá của lịch sử Trieste khách phương xa nên theo gót người hướng dẫn. Nhưng vị ngọt của thành phố thì tốt nhất là hãy tự khám phá: các loại bánh ngọt của Trieste. Truyền thống Áo vẫn còn sống động trong các cửa hàng bánh ngọt của thành phố như "La Bomboniera" hay "Pirona".

Trieste đẹp nhất vào mùa nào trong năm vẫn là điều thường được bàn cãi. Mùa xuân, khi lại bắt đầu có thể ngồi uống cà phê ngoài trời, trên vỉa hè hay trên các quảng trường. Mùa hè, khi bãi biển Adria mời gọi và cả thành phố Trieste dường như đã đi tắm biển. Mùa thu thường có những ngày âm áp dễ chịu. Các thi sĩ ngày xưa lại đặc biệt ưa thích bầu không khí u sầu bao phủ khắp thành phố trong những ngày mùa đông lạnh giá, khi gió từ vùng đồi núi trong nội địa thổi trên đường phố, làm cho sóng biển nổi bọt.



Lâu đài Miramare

Nhưng có đến Trieste vào mùa nào đều cũng phải đến thăm Lâu đài Miramare cách đây 8 km. Lâu đài nằm tuyệt đẹp trên vách núi đá dốc đứng được xây trong thế kỷ 19 cho Đại công tước Ferdinand Maximilian của Áo, em của Hoàng đế Franz Joseph. Ngoài nhiều phòng có nội thất lộng lẫy, vị tổng chỉ huy hải quân của Đế quốc Áo-Hung còn cho thiết kế gian phòng ngủ trong lâu đài như một phòng trên tàu thủy.

Nếu như không có thời gian chỉ nên đi dạo trong công viên rộng 22 ha bao bọc lấy lâu đài có nhiều loài cây lạ mà từ đây có thể nhìn toàn cảnh thành phố Trieste. Đến đây một lần chắc chắn rằng không thể nào quên được lâu đài nhỏ nhắn nằm ở vị trí tuyệt đẹp này.



Quảng trường Thánh Mark ở Venice

Đối với người dân Venice nó đơn giản chỉ là "Quảng trường". La Piazza. Tất cả mọi người trên thế giới đều biết tên của nó. Nó thống trị tuyệt đối thành phố. Bên cạnh nó, tất cả những quảng trường khác của Venice đều mờ nhạt đi, được gọi là *campi*, bãi trống. Vì quyền lực của nền cộng hòa được biểu hiện bằng đá hoa cương ở đây: trong Dinh Tổng trấn, trong các dãy nhà Procuratie, trong Nhà thờ Thánh Mark – ngôi nhà thờ quốc gia mà trong đó nền cộng hòa được tôn sùng trước tiên rồi mới đến Chúa Trời kính yêu. Vị giáo trưởng của Venice phải bằng lòng với ngôi nhà thờ San Pietro di Castello khiêm nhường hơn rất nhiều. Chỉ sau khi Napoleon đâm nhát dao cuối cùng vào Cộng hòa Venice, vị giáo trưởng mới được phép dọn vào Nhà thờ Thánh Mark: Năm 1837, thời chiếm đóng của Áo, dinh tổng giám mục được xây tại Piazzetta dei Leoncini.



Trên Quảng trường Thánh Mark.

Có lẽ chính cảm giác rằng nơi này không hề thay đổi qua nhiều thế kỷ đã mang lại nét quyến rũ như vậy. Một kỳ quan mà người ta có thể đi lại ở trên đó. Chỉ một bước chân thôi, người ta đã đứng trước một bức tranh của Carpaccio hay Guardi, chỉ phải tưởng tượng rằng không có khách du lịch ở đó. Khi nào mà lại có cơ hội bước đi trên một bức tranh?

Những biểu tượng của vị tổng trấn cuối cùng đã bị đốt cháy trên quảng trường này, người Venice đã khinh thị Hoàng hậu Sissi của Áo và tung hô Mussolini ở đây. Nhưng thời gian có nghĩa gì trên một quảng trường mà ở đó từ "mới" được dùng để chỉ cái đã có từ 400 năm nay? Người Venice không bao giờ gọi những dãy nhà ở bên trái và phải của Quảng trường Thánh Mark một cách đơn giản và chung chung là





Procuratie – họ phân chia chúng ra một cách nghiêm ngặt thành cũ và mới, như thể họ vẫn chưa quen được với dãy nhà mới sau 400 năm.

Kích thước của Quảng trường Thánh Mark không hề thay đổi kể từ thế kỷ 12. Người ta đã mất 400 năm để xây nó, từ thời Gothic qua đến thời Phục Hưng – khi Sansovino người Florence đến đây và xây thư viện đối diện với Dinh Tổng trấn. Lần xây đầu đã sập vì Sansovino chưa từng xây trên nền đất lún. Người Venice bỏ tù ông vì chuyện này. Và nếu như không có những người bạn nổi tiếng của ông ra tay cứu giúp, danh họa Tizian và nhà văn Aretino, thì Quảng trường Thánh Mark có lẽ đã không hoàn tất, giống như một câu nói bị ngắt giữa chừng, không được kết thúc.



Quảng trường Thánh Mark.

Hàng triệu gót giày đã chà nhẵn những tảng đá lát quảng trường, hàng triệu bàn tay đã lau bóng hai con sư tử trên Piazzetta dei Leoncini. Khách tham quan nghĩ gì trong khoảng khắc huyền diệu khi họ lần đầu tiên đặt chân lên quảng trường? Họ có giống như nhà văn Julien Green, người lo sợ phải phát cuồng? Hay họ cố tự cứu mình bằng cách lẫn trốn vào trong sự mĩa mai châm biếm như nhiều nhà văn khác? Goethe bàn luận về cua trên Campanile, Mark Twain so sánh nhà thờ với một con bọ cánh cứng đang đi dạo, Hemingway với một rạp chiếu bóng Hollywood.

Người Venice đi ngang qua quảng trường một cách rất cẩn trọng. Họ không bao giờ đi xuyên qua dãy cột ở góc của Dinh Tổng trấn, họ sẽ không bao giờ đi giữa cột San Todaro và cột San Marco trên Piazzetta, nơi từng đặt giàn gông cho những người bị xử tử hình, họ không bao giờ đi xuyên qua 6 cây cột của nhà hát Opera Bevilacqua La Masa. Tất cả những cái đó sẽ mang lại điều bất lành.



Du khách tìm chỗ dựa ở hướng dẫn viên du lịch, người giảng giải không những về nguồn gốc Byzantine mà còn về nguồn gốc tội phạm của Nhà thờ Thánh Mark nữa: Không chỉ hài cốt của Đức Thánh Tin Lành, không đâu, cả những cây cột bằng đá hoa cương và cung vòm thạch cao tuyệt hoa, tượng thánh gắn ngọc và những con ngựa bằng đồng – tất cả đều được lấy trộm! Trộm về từ Phương Đông! Do những thương gia Venice mang trộm về, những người tin rằng đó là nhiệm vụ do bề trên giao phó!

Quán Caffè Florian đã từng là nơi gặp gỡ của những người yêu nước: Đó đã là nơi tụ họp của những người nổi dậy chống nước Áo đang chiếm đóng. Vẫn còn 2 graffiti trên tường của căn nhà mang số 60 minh chứng cho thời gian đó: W San Marco – W La Repubblica: Thánh Mark muôn năm – Cộng hòa muôn năm.

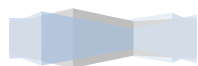


Quán cà phê Florian

Người Áo lui tới trong quán cà phê Quadri đối diện, cái quán mà đã nhanh chóng tự hạ mình đổi tên thành Cà phê Militare, có thêm dòng tiếng Đức "Kaffehaus". Khi thống đốc người Áo hạ lệnh bắn vào đám đông trên Quảng trường Thánh Mark trong cuộc nổi dậy năm 1848, những người bị thương đã được mang vào Caffè Florian. Đó là lần nổi dậy cuối cùng của Venice chống lại một thế lực chiếm đóng – với Florian là đồng minh. Người Venice yêu nó cho đến ngày nay.

Quảng trường Thánh Mark được chiếu sáng về đêm óng ánh như một nhà hát. Một vài khách du lịch bước theo điệu waltz từ trong quán cà phê và những người khác cùng nhau hát. Càng về đêm số người này càng đông, họ dập dờn từ quán cà phê này sang quán cà phê khác

– nhưng không ai ngồi xuống, vì mặc cho tất cả những cảm xúc thơ mộng, người ta vẫn cho rằng chiếc ghế của quán cà phê là quá đắt. Du khách chỉ đi về nhà khi tiếng chuông nửa đêm ngân vang. Đó là tiếng báo hiệu. Venice đóng cửa. Hãy tiếp tục mơ mộng một mình!





Hình ảnh:

York

Cổng thành Micklegate Bar. Ảnh: *Flickr*.

Nhà thờ lớn York. Ảnh: *Flickr*.

Bên trong Nhà thờ lớn York. Ảnh: *Gurdun Raatschen / Fotocommunity*.

King's Manor. Ảnh: *Wikipedia*.

Linz:

Linz, người đẹp cạnh dòng sông Danube. Ảnh: *TMN*.

Cột Chúa Ba Ngôi trên Hauptplatz (Quảng trường chính) có từ năm 1723.

Ảnh: *TMN*.

Linz về đêm. Ảnh: *Christian Hieble/Fotocommunity*.

Viện bảo tàng nghệ thuật. Ảnh: *TMN*.

Wien

Quán Café Central. Ảnh: *Café Central*.

Quán cà phê Griensteidl năm 1896. Ảnh: *Getty Images*

Nhà Loss Ảnh: *Wikipedia*

Quán cà phê Hawelka. Ảnh: *Getty Images*.

Danzig

Thành Marie (Marienburg) gần Danzig. Ảnh: *Thomas Schwalk / Fotocommunity*.

Quảng trường Langer Markt và Tòa đô chính. Ảnh: *Willy Vogelsang / Fotocommunity*.

Brugge

Thành phố Gent. Ảnh: *Phan Ba*

Nhà thờ Trung cổ trên khu họp chợ lịch sử của Brugge. Ảnh: *Phan Ba*

Alcobaça

Tu viện Alcobaça, di sản thế giới của UNESCO từ năm 1989. Ảnh: *Wikipedia*.

Quách đá của Vua Pedro I. Ảnh *Wikipedia*.

Skagen

Đụn cát di động Råbjerg Mile. Ảnh: *Flickr*.

"Chiều hè ở bờ biển nam Skagen", *Peder Severin Krøyer (1893)*.

Grenen, nơi biển Bắc và biển Baltic gặp nhau. Ảnh: *Fotocommunity*.

Hameln

Thành phố Hameln với huyền thoại người bắt chuột. Ảnh: *Rolf Grundke / Fotocommunity*

Nhạc kịch "Rats" tại Hameln. Ảnh: *Wikipedia*

Ví dụ điển hình cho Kiến trúc Phục Hưng Weser: Thành *Hämelschen*. Ảnh: *Toma Babovic / Merian*

Heidelberg

Heidelberg với chiếc Cầu Cũ và lâu đài đồ nát cạnh dòng sông Neckar. Ảnh: *Phan Ba*

Học viện Khoa học Heidelberg. Ảnh: *Phan Ba*

Chiếc Cầu Cũ của Heidelberg. Ảnh: *Phan Ba*

Lâu đài Neuschwanstein:

Lâu đài Neuschwanstein 1 & 2: Ảnh: *Wikipedia*

Wismar

Cảng cũ của Wismar. Ảnh: *Thinkstock*

Nhà hàng khách sạn "Thụy Điển xưa". Ảnh: *Fotocommunity*.

Groningen



Một trong số 16 "thành Groningen": Niennoord trong Leek ở phía tây nam của Groningen. Ảnh: *TMN*.

Từ năm 1927 là một viện bảo tàng: Menkemaborg với vườn hoa Baroque có nguồn gốc từ thế kỷ 15. Ảnh: *TMN*.

Pháo đài có chỗ có 3000 người lính: Bourtange ở miền bắc Hà Lan gần biên giới Đức. Ảnh: *TMN*.

Luxembourg

"Vài người Anh ngồi ở bên phải – hay đó là người Scotland?..." Ảnh: *Phan Ba*

Pháo đài Luxembourg được xây trong lòng núi đá, di sản văn hóa của UNESCO. Ảnh: *Phan Ba*

Thung lũng sông Alzette nhìn từ Chemin de la Corniche. Ảnh: *Phan Ba*

Chartres

Cửa kính nổi tiếng của Thánh đường Chartres. Ảnh: *Wikipedia*

Nôtre-Dame de la Belle Verrière. Ảnh: *Merowig / Flickr*

Giverny

Thánh đường Rouen. *Claude Monet*

Trong khu vườn của Monet. Ảnh: *giverny.org*

Paris:

Pont-Neuf, chiếc Cầu Mới của Paris. Ảnh: *Fotocommunity*.

"Le mur des je t'aime". Ảnh: *Flickr*.

Sân trong của tu viện Saint-Séverin. Ảnh: *Flickr*.

Mariánské Lázně

"Đài phun nước biết hát". Ảnh: *Czechtourism*.

Dãy cửa hàng mua sắm sang trọng trong Mariánské Lázně. Ảnh: *Fotocommunity*.

Đài phun nước trong công viên nghỉ dưỡng. Ảnh: *Woflgang Schubert / Fotocommunity*.

Toledo

Toàn cảnh Toledo. Ảnh: *Wikipedia*.

Nhà thờ Do Thái Santa Maria la Blanca. Ảnh: *Flickr*.

Istanbul

"Odalisque và nữ nô lệ", 1840, Jean Auguste Dominique Ingres. Ảnh: *Wikipedia*.

Sảnh lễ hội trong Cung Topkapi. Ảnh: *Walter Schmitz/Merian*.

Toàn cảnh Cung điện Topkapi từ trên cao. Ảnh: *Walter Schmitz/Merian*.

Chợ Lớn Istanbul

Chợ Lớn của Istanbul có 3300 cửa hàng, 20.000 người buôn bán và nửa triệu khách mỗi ngày. Ảnh: *Marion Beckhäuser / Merian*

20.000 người kiếm sống ở đây. Ảnh: *Marion Beckhäuser / Merian*

"Sàn giao dịch có chân": tròn 40 người buôn bán ngoại tệ hoạt động trên đường phố. Ảnh: *Marion Beckhäuser / Merian*

Hàng thủ công đủ loại... Ảnh: *Marion Beckhäuser / Merian*

Stockholm

Stockholm, thành phố trên các hòn đảo. Ảnh: *Stockholm Visitors Board*.

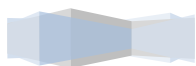
Khu phố cổ Gamla Stan. Ảnh: *Stockholm Visitors Board*.

Đảo nhỏ trước Stockholm. Ảnh: *Stockholm Visitors Board*.

"...những ngõ hẻm chật chội quanh co...". Ảnh: *Stockholm Visitors Board*.

Lâu đài Hoàng gia. Ảnh: *Stockholm Visitors Board*.

Nhà hòa nhạc Globe Arena. Ảnh: *Stockholm Visitors Boards*.





Lugano

Toàn cảnh Lugano và ngọn San Salvatore. Ảnh: *TMN*.

Trong trung tâm của Lugano. Ảnh: *TMN*.

Hồ Como

... "tiếng thì thầm buồn bã của những làn sóng" và "màu sắc huyền diệu" vào lúc hoàng hôn. Ảnh: *Phan Ba*.

Làng Bellagio, "hòn ngọc của Hồ Como". Ảnh: *Phan Ba*.

Biệt thự Monastero. Ảnh: *Phan Ba*.

Ravenna

Tranh khảm trong lăng của Galla Placidia. Ảnh: *Phan Ba*

Tranh khảm trong nhà thờ Sant' Apollinare Nuovo. Ảnh: *Phan Ba*

Triest

Kênh Lớn của Triest. Ảnh: *Phan Ba*

Piazza dell' Unità d'Italia. Ảnh: *Phan Ba*

Lâu đài Miramare. Ảnh: *Phan Ba*

Quảng trường Thánh Mark

Trên Quảng trường Thánh Mark. Ảnh: *Phan Ba*

Quảng trường Thánh Mark. Ảnh: *Phan Ba*

Quán cà phê Florian. Ảnh: *Phan Ba*